

THÔNG LUẬN

NGUYỆT SAN THÔNG TIN NGHỊ LUẬN

TẬP HỢP DÂN CHỦ ĐA NGUYÊN

Publiée par l'Association Vietnam Fraternité - 7 allée Bouleau Carreau - 77600 Bussy Saint Georges - France

Adresse Web : <http://www.thongluan.org> - Directeur de la publication : Nguyễn Văn Huy

ISSN 11456-9557 - Số 257 - Năm thứ 24 - Tháng 04-2011

Liên lạc : Hộp thư Thông Luận (Internet) : hopthu@thongluan.org

Mua báo : Nguyễn Văn Thạch, 7 Square Philippe Lebon, 77185 Lognes, France



Thông Luận



Một khúc quanh lớn của thế giới

Nghị quyết 1973, ngày 17-3-2011 của Hội đồng Bảo An Liên Hiệp Quốc cho phép Hoa Kỳ, Anh và Pháp can thiệp bằng quân sự vào Libya, đánh dấu một cột mốc quan trọng trong chính trị quốc tế.

Trước hết là về hình thức. Nghị quyết không quyết định một hành động chung của Liên Hiệp Quốc và do đó không ràng buộc mọi quốc gia. Nó chỉ cho phép và kêu gọi các nước có phương tiện can thiệp để "bảo vệ thường dân Libya", một cách nói được hiểu là đồng nghĩa với bên vực lực lượng nổi dậy chống chế độ độc tài Gaddafi đang đứng trước nguy cơ bị tiêu diệt. Hình thức này đã khiến Nga và Trung Quốc vốn có liên đới tự nhiên với các chế độ độc tài khó dùng quyền phủ quyết. Kết quả là Mỹ, Anh và Pháp đã được Liên Hiệp Quốc bật đèn xanh cho phép tấn công Gaddafi và cứu nguy lực lượng nổi dậy đòi dân chủ.

Hình thức này đã được phát minh ra để đáp ứng một nhu cầu mới của các nước dân chủ phương Tây : chủ động trong tiến trình dân chủ hóa tại Bắc Phi và Trung Đông để đừng là nạn nhân của một thay đổi đảng nào cũng sẽ đến.

Cho đến nay vì cần ổn định nguồn cung cấp dầu mỏ, Hoa Kỳ và Châu Âu đã dung túng các chế độ độc tài trong vùng này. Chính thể liên minh với các chế độ bạo ngược đã khiến người Ả Rập phẫn nộ với phương Tây và dễ bị lôi kéo bởi các tổ chức Hồi Giáo quá khích. Nhưng các xã hội Bắc Phi và Trung Đông đã chín muồi cho một chuyển hóa về dân chủ và các nước phương Tây đã nhận ra điều đó. Họ đã hiểu rằng nguy cơ các nước này rơi vào tay các lực lượng Hồi Giáo toàn nguyên chống phương Tây sẽ

không đáng kể nếu họ tích cực yểm trợ các lực lượng dân chủ thay vì câu kết với các tập đoàn bạo ngược.

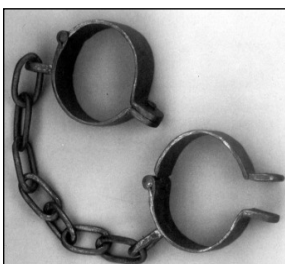
Sự thay đổi thái độ của các nước dân chủ phương Tây đã rất ngoạn mục nếu người ta ý thức rằng Mỹ, Anh và Pháp đã tấn công Gaddafi để cứu nguy lực lượng nổi dậy ở Benghazi dù Gaddafi rất chống khủng bố và thân phương Tây trong những năm gần đây, trong khi Benghazi từng được coi là sào huyệt của các lực lượng chống dân chủ và chống phương Tây trong quá khứ.

Sự thay đổi tâm lý và văn hóa của các nước Ả Rập cũng ngoạn mục không kém. Trái ngược hẳn với trước đây, trong mọi cuộc biểu tình từ Tunisia đến Yemen qua Algeria, Ai Cập, Syria, Jordany đã hoàn toàn không có những khẩu hiệu tôn xưng Allah hay chống phương Tây mà đã chỉ có những tiếng hô to đòi dân chủ.

Một ý nghĩa quan trọng khác của nghị quyết này là nó mở ra một kỷ nguyên mới trong bang giao quốc tế, kỷ nguyên trong đó các nước dân chủ có quyền can thiệp vào nội bộ một nước khác, kể cả bằng quân lực, để tiếp tay đánh đổ một tập đoàn bạo ngược. Dĩ nhiên không nên chờ đợi những cuộc thánh chiến bảo vệ dân chủ tại mọi nơi.

Các cường quốc dân chủ sẽ chỉ can thiệp vào những nước có liên hệ mật thiết tới an ninh và quyền lợi của họ, nhưng dù sao thì sự can thiệp có chọn lọc này cũng đáng hoan nghênh. Nó chỉ khẳng định một quan điểm mà Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên thường lặp lại, đó là biên giới quốc gia không thể được coi là qui định một vùng lộng hành tự do của những tập đoàn độc tài bạo ngược. Tự do và phẩm giá con người phải là những giá trị cao nhất vượt mọi biên giới. Quốc gia phải được coi như một tình cảm và một không gian liên đới của những người tự nguyện chấp nhận xây dựng và chia sẻ với nhau một tương lai chung. Chỉ với một quan niệm như vậy quốc gia mới đáng trân trọng và mới có thể tồn tại trong thế giới ngày càng toàn cầu hóa này.

Thông Luận



Kadhafi dégage !
HALTE
AU
MASSACRE !

Vì đất nước hôm nay và ngày mai

Làn sóng dân chủ thứ tư và những chế độ độc tài không ảo tưởng

Nguyễn Gia Kiểng

Sau khi các chế độ độc tài Tunisia và Ai Cập bị lật đổ tình hình đã không sáng sủa như nhiều người chờ đợi. Tại hai nước này quân đội vẫn còn cầm quyền, một chính quyền dân chủ vẫn chưa thành lập được, phần nộ và biểu tình tiếp tục. Đúng là các biến động đã tràn sang mọi nước trong vùng, nhưng các chế độ Gaddafi tại Libya, Al-Assad tại Syria và Saleh tại Yemen đã chống trả mạnh mẽ và tỏ ra đủ sức dẹp tan các cuộc nổi dậy, như tại Bahrain, nếu không có can thiệp từ bên ngoài.

Tình trạng này đặt ra ba câu hỏi :

- Có đúng là một làn sóng dân chủ mới, làn sóng dân chủ thứ tư, đã bắt đầu không ?
- Nếu đúng, liệu nó có thể tràn tới Việt Nam không ?
- Và nếu có thì bao giờ ?



Những chữ "nếu" chồng chất đó dĩ nhiên khiến nhiều người lưỡng lự giữa hoài nghi và hy vọng, nhất là những người bi quan có thể biện luận rằng các điều kiện địa lý, chính trị, lịch sử và văn hóa tại các nước Ả Rập không giống Việt Nam. Chúng ta chỉ có thể trả lời những câu hỏi trên - và đằng nào cũng chỉ với mức độ chính xác của khoa học xã hội, nghĩa là không tuyệt đối - nếu biết nhìn xuyên qua các sự kiện cụ thể để thấy bản chất của các biến cố. Nói rằng những gì xảy ra tại các nước Bắc Phi và Trung Đông cũng sẽ xảy ra tại Việt Nam chỉ có lý nếu, một là, các chế độ tại các nước này có chung một số đặc tính với chế độ cộng sản Việt Nam và, hai là, chính các đặc tính này khiến chúng phải sụp đổ theo một qui luật.

Cũng như trong khoa học tự nhiên các qui luật chỉ có thể được phát hiện sau khi đã trừu tượng hóa các sự kiện, nghĩa là khảo sát các sự kiện không phải như chúng xuất hiện trước con mắt chúng ta mà như chúng được tiếp nhận bởi lý trí.

Điều chắc chắn là các nước Hồi Giáo Trung Đông và Bắc Phi đang chuyển biến mạnh mẽ về dân chủ. Sự kiện quân đội còn đang cầm quyền tại Tunisia và Ai Cập không có nghĩa là các nước này đã chỉ đổi một tập đoàn quân phiệt lấy một tập đoàn quân phiệt khác ; nếu như thế thì các chế độ Ben Ali và Mubarak đã không sụp đổ bởi vì đây không phải là những cuộc đảo chính. Quân đội đã có vai trò quyết định nhưng không khởi động các biến cố. Quân đội cầm quyền trong giai đoạn chuyển tiếp chỉ vì chưa có những tổ chức dân chủ đủ mạnh. Các biến động cũng đã tràn qua mọi nước trong vùng. Không phải chỉ có hai chế độ Ben Ali và Mubarak sụp đổ. Chế độ quân phiệt Algeria, dù kiểm soát được tình thế, cũng đã phải cam kết những thay đổi rất quan trọng trong chiều hướng dân chủ hóa.

Tương tự như các chế độ quân chủ Jordany và Morocco. Chế độ Al-Assad tại Syria, khép kín và bạo ngược không kém chế độ quân phiệt Miến điện, cũng đã phải tuyên bố bãi bỏ quân luật áp đặt từ 48 năm qua. Các chế độ Gaddafi và Saleh nếu sống sót sau cơn sóng gió cũng sẽ rất suy giảm và sẽ phải chấp nhận những thỏa hiệp quan trọng. Những nhượng bộ này mở cửa cho tự do ngôn luận và đối lập, những điều mà không một chế độ độc tài nào chịu đựng nổi. Trên thực tế, chúng mở ra một giai đoạn chuyển tiếp và cho các chế độ độc tài một thời gian ân huệ để chuẩn bị cho sự đào thải của chính mình. Một tiến trình đã bắt đầu và sẽ chỉ hoàn tất khi tất cả các chế độ độc tài này đã bị đào thải.

Thái độ của cộng đồng quốc tế cũng đã thay đổi một cách quan trọng. Trước hết là các nước phương Tây. Cho tới nay họ rất ngại đụng chạm tới các chế độ Hồi Giáo và vì thế không dám làm áp lực dân chủ và nhân quyền lên các nước này. Lý do là vì kinh tế thế giới tùy thuộc nặng nề vào nguồn dầu lửa tại Bắc Phi và Trung Đông và vì các nước trong vùng này đều độc tài như nhau, không thể đụng tới nước này mà không gây lo sợ và hiểm khích nơi các nước khác. Cái giá phải trả là dung túng các chế độ bạo ngược, với điều kiện là chúng thân phương Tây.

Cố tổng thống Mỹ Franklin Roosevelt đã từng tóm tắt chính sách đối ngoại này trong một câu nói về nhà độc tài Somoza ở Nicaragua : *"Hắn có thể là một thằng chó đẻ nhưng hắn là thằng chó đẻ của chúng ta"* (He may be a son of a bitch but he is

our son of a bitch). Nhưng dân trí và văn hóa tại các nước này đã thay đổi rất nhiều, nguyện vọng dân chủ đã lên cao tới mức buộc Hoa Kỳ và Châu Âu phải thay đổi chính sách và chủ động thúc đẩy tiến trình dân chủ để đừng là nạn nhân của một thay đổi đằng nào cũng sẽ tới. Thề đồng minh với các chế độ độc tài tham nhũng ngày càng khiến nhân dân các nước Ả Rập phần nộ với phương Tây và có thể bị lôi kéo bởi những tổ chức Hồi Giáo quá khích, mặc dù trong thâm tâm họ không ưa gì các tổ chức này. Đã thế, logic sống còn độc hại của các chế độ này còn được phơi bày qua trường hợp tập đoàn quân phiệt Pakistan : muốn bắt chẹt buộc Hoa Kỳ yểm trợ mình thì phải có đe dọa khủng bố, và muốn có khủng bố thì phải dung dưỡng khủng bố. Hai đồng minh cột trụ của Hoa Kỳ tại Trung Đông, Ai Cập và Saudi Arabia, cũng là hai nước sản xuất ra những tổ chức khủng bố tích cực nhất : Al Qaeda, Huynh đệ Hồi Giáo, Hamas, Tháng 9 đen v.v.

Nghị quyết 1973 ngày 17-3-2011 là một khúc quanh trong lịch sử bang giao quốc tế. Hoa Kỳ, Pháp và Anh không đòi Liên Hiệp Quốc phải hành động mà chỉ xin phép Liên Hiệp Quốc để được can thiệp bằng quân sự vào nội bộ một nước để giúp các lực lượng dân chủ chống lại một chế độ độc tài. NATO mặc nhiên trở thành quân lực của dân chủ. Nga và Trung Quốc, dù là những nước độc tài, đã không dám biểu quyết chống lại. Như thế phải hiểu là thế giới đã chín muồi cho một chuyển động mà Hoa Kỳ và Châu Âu phải tiếp tay vì chính quyền lợi của họ trong khi các chế độ độc tài cũng không dám công khai chống lại. Chúng ta có thể trả lời cho câu hỏi thứ nhất : đúng là có một làn sóng dân chủ mới.

Trong một bài trước đây (1) kẻ viết bài này đã nhắc lại là kể từ cuối thế kỷ 18, khi dân chủ bắt đầu phát triển mạnh, đã có ba làn sóng dân chủ và chúng ta đang chứng kiến sự khởi động của làn sóng dân chủ thứ tư. Các làn sóng dân chủ đánh dấu những chặng đường của nhân loại trong cuộc hành trình về tự do, mỗi làn sóng san bằng một trở ngại mà mức độ tiến hóa của xã hội loài người đã cho phép xóa bỏ, đồng thời đánh đổ một loại chế độ độc tài.

- Làn sóng dân chủ thứ nhất, khởi đầu cuối thế kỷ 18 với cuộc Cách Mạng Hoa Kỳ và cuộc Cách Mạng Pháp đánh đổ các chế độ quân chủ thần quyền, bắt đầu bằng các chế độ đặt nền tảng trên Thiên Chúa Giáo.

- Làn sóng dân chủ thứ hai bùng lên cùng với Thế Chiến II đánh gục chủ nghĩa dân tộc sô-vanh và các chế độ lấy nó làm cứu cánh.
- Làn sóng dân chủ thứ ba xóa bỏ chủ nghĩa cộng sản và chiến tranh lạnh. Nó bắt đầu bằng cách loại bỏ các chế độ độc tài sống nhờ chiêu bài chống cộng, sau đó đánh sập chủ nghĩa cộng sản và phong trào cộng sản thế giới.

Hiện tượng mà các biến cố tại Bắc Phi và Trung Đông khởi động không thể coi là sự tiếp nối của làn sóng dân chủ thứ ba. Nó nhắm vào một loại chế độ độc tài khác và kết quả sau cùng của nó là dân chủ hóa toàn bộ các nước Hồi Giáo và các nước đông Á. Đó là làn sóng dân chủ thứ tư.

Một điểm nổi bật là từ sau khi bức tường Berlin sụp đổ, các chế độ độc tài đều trở thành giống nhau, dù xuất phát từ những nguồn gốc khác nhau, dù là các chế độ cộng sản còn sót lại hay các chế độ độc tài cánh hữu vẫn có từ trước : chúng đều không dựa trên một ý thức hệ hay một lý tưởng nào cả, thậm chí không có ngay cả một ảo tưởng. Đây là một điểm quan trọng cần được nhấn mạnh. Cho tới nay mỗi chế độ chính trị đều nhân danh một ý thức hệ và hứa hẹn một tương lai. Các chế độ quân chủ thần quyền nhân danh một thượng đế toàn năng, các chế độ cộng sản nhân danh một tất yếu lịch sử và hứa hẹn một thế giới không còn bóc lột, các chế độ sô-vanh Đức, Ý và Nhật đề cao sự tinh hoa của dân tộc và hứa hẹn vinh quang, các chế độ dân chủ nhân danh những giá trị nhân bản và hứa hẹn tự do và giàu mạnh v.v.

Phải nói ngay rằng chẳng có chế độ bạo ngược nào có lý tưởng cả, nhưng ít nhất chúng còn buôn bán một ảo tưởng. Các chế độ độc tài hậu cộng sản khác hẳn. Chúng không nhân danh gì cả và cũng không hứa hẹn gì cả, dù là một ảo tưởng. Các lãnh tụ của chúng không có cao vọng làm anh hùng và đi vào lịch sử mà chỉ có một mục tiêu là vơ vét thật nhiều và cầm quyền thật lâu.

Vai trò của ý thức hệ là tạo cho chế độ một lý do hiện hữu và do đó một tính chính đáng để thuyết phục quần chúng. Thuyết phục và khuất phục luôn luôn là đôi chân của mọi chế độ trong đó thuyết phục là cốt lõi, bạo lực chỉ dùng đến để khuất phục những phần tử không thể thuyết phục được. Các chế độ độc tài không phải không biết điều này - bằng chứng là thỉnh thoảng chúng vẫn cố viện dẫn một cách gượng gạo nhằm chấn kinh Coran, chủ nghĩa Mác-Lênin - nhưng chúng cũng thừa biết là không thể thuyết phục nên cuối cùng chúng vẫn chỉ là những chế độ một chân thuần túy dựa trên đàn áp, với cứu cánh duy nhất là kéo dài.

Sự kiện các chế độ này không có một ý thức hệ nào trước hết là hậu quả của tiến bộ của thế giới về mặt tư tưởng. Các chủ nghĩa đã lỗi thời. Chỉ còn lại những giá trị dân chủ. Không còn một "triết gia" nào dám bạo phổi để xướng ra những ý thức hệ mà không lập tức trở thành trò cười, trong khi các trùm độc tài - dù là Lenin, Stalin, Mao hay Hitler, Mussolini - đều không có tư tưởng chính trị, họ chỉ vận dụng tư tưởng của một triết gia tâm thần nào đó. Vì không có những Marx, Engels, Hegel, Nietzsche, Schmitt... để chế tạo cho họ những chủ nghĩa nữa nên các chế độ độc tài hậu cộng sản hoàn toàn trần trụi về mặt tư tưởng.

Hậu quả đầu tiên của sự trần trụi tư tưởng này là đảng cầm quyền bị phân hóa và mất thực chất để chỉ còn là một hư cấu. Các đảng RCD của Ben Ali và NDP của Mubarak đã lập tức tan biến ngay sau khi họ bị hạ bệ, mặc dù có hàng triệu đảng viên bởi vì chúng chỉ là

những hư cấu. Cũng như đảng Cần Lao Nhân Vị của ông Ngô Đình Nhu sau ngày 1-11-1963 và đảng Dân Chủ của ông Nguyễn Văn Thiệu sau ngày 30-4-1975.

Một chính đảng đúng nghĩa phải là sự thể hiện của một tư tưởng chính trị. Không có tư tưởng chính trị thì không thể có đảng. Châm Hy vọng có thể lấy quyền lợi để gắn bó các đảng viên chỉ là một ảo tưởng ngày ngọ.

Đền lượt nó, sự kiện đảng cầm quyền chỉ còn là hư cấu cũng tự động dẫn đến một số hậu quả khác.

Trước hết là sự hình thành chung quanh lãnh tụ của một kết hợp kiểu băng đảng của một nhóm người mà quyền lợi và sự sống còn gắn liền với chế độ. Như một qui luật tự nhiên, thiếu số này phải ngày càng nhỏ lại bởi vì chỉ có như thế các phần chia mới đủ lớn để bảo đảm sự trung thành. Thiếu số này như vậy sẽ ngày càng bị nhận diện, cô lập và thù ghét. Sự thù ghét càng thêm sức mạnh nếu nó được tập trung vào một cá nhân được coi là đầu sỏ và đã cầm quyền trong một thời gian dài, như các trường hợp Ben Ali (Tunisia, 23 năm), Mubarak (Ai Cập, 30 năm), Gaddafi (Libya, 42 năm), Saleh (Yemen, 33 năm).

Kế tiếp là sự bản cùng hóa *tất yếu* của quần chúng, kể cả trí thức. Một chế độ không có gì để thuyết phục mà chỉ thuần túy dựa trên đàn áp chỉ có thể đứng vững nếu chính quyền có phương tiện rất lớn trong khi quần chúng rất yếu, kể cả về mặt kinh tế, để không có sức đề kháng. Tham nhũng và bóc lột vì thế chỉ có thể gia tăng như một qui luật nằm trong bản chất của chế độ, dù có thể là những người cầm quyền không muốn.

Kẻ viết bài này đã có dịp thăm viếng Tunisia và Ai Cập. Thực tế đã quá rõ ràng. Tại Tunisia một giáo sư đại học tình nguyện làm hướng dẫn viên du lịch với giá 10 EUR mỗi ngày. Tại Ai Cập tình hình còn tệ hơn, một sinh viên ngoại ngữ nói thạo tiếng Pháp xin đi theo hướng dẫn và chấp nhận "cho bao nhiêu cũng được" ; tại Luxor, thành phố du lịch nổi tiếng nhất Ai Cập với gần nửa triệu dân, ra khỏi khu giàu có với vài chục biệt thự kín cổng cao tường là cả một thành phố bản cùng. Ngoài một vài xe đạp và xe gắn máy, dân chúng chỉ đi bộ và ăn mặc lem luốc. Ngược lại Ben Ali và Mubarak có hàng chục tỷ USD.

Sau cùng là sự xung đột không tránh khỏi giữa quân đội và công an dẫn đến sự sụp đổ của chế độ. Các chế độ Ben Ali và Mubarak chắc chắn đã không sụp đổ nếu vẫn được quân đội ủng hộ. Gaddafi, Saleh và Al-Assad cũng sẽ không chao đảo nếu còn nắm vững được quân đội. Các biến động tại các nước Bắc Phi và Trung Đông đều diễn ra theo một kịch bản tương tự : nhân dân bất mãn tới cực độ lại cảm thấy quân đội có triển vọng đứng cùng phía với mình nên xuống đường chống đối và được quân đội, hay một phần của quân đội, hưởng ứng.

Xung đột giữa quân đội và công an không tránh khỏi trước hết do hai mâu thuẫn lớn :

- một là, trong mọi chế độ, quân đội bao giờ cũng thừa sức đánh tan công an ; nhưng trong các chế độ độc tài không chủ nghĩa thuần túy dựa trên đàn áp này, công an lại nắm đại bộ phận các quyền lợi vật chất do vai trò trực tiếp khống chế xã hội ; các biện pháp ve vãn quân đội như cho thành lập các công ty quân doanh, mua vũ khí hiện đại và gửi một số sĩ quan đi huấn luyện tại nước ngoài chỉ có tác dụng xoa dịu rất giới hạn ;



- hai là, các chế độ này làm nổi bật sự đối chọi giữa hai chức năng, một bên là quân đội có vai trò bảo vệ đất nước, một bên là công an đàn áp dân chúng.

Nhưng còn một nguyên nhân "thực tiễn" khác cũng có tầm quan trọng quyết định, đó là quân đội không có lãnh đạo đúng nghĩa. Một quân đội được lãnh đạo đúng đắn luôn luôn phục tùng chính phủ nhưng vấn đề của các chế độ độc tài không có lý tưởng là ở chỗ chúng không thể lãnh đạo quân đội một cách lành mạnh bởi vì chính bản chất của chúng không lành mạnh. Các bạo chúa vì vậy phải đặt vào những vị trí lãnh đạo quân sự cao nhất những tướng lĩnh rất tồi dở, những người không thể có tham vọng chính trị. Ben Ali, Mubarak, Gaddafi, Saleh đều đã làm như thế. Các tướng lĩnh cầm đầu quân đội của họ đều là những người rất mờ nhạt. Trong chế độ Việt Nam Cộng Hòa trước đây, Ngô Đình Diệm và Nguyễn Văn Thiệu cũng chỉ tin dùng những tướng lĩnh như Lê Văn Tỵ, Cao Văn Viên. Tuy nhiên như thế không khác gì trao súng cho đứa trẻ khờ khạo và tại nạn sau cùng thế nào rồi cũng xảy ra. Những tướng lĩnh không có bản lĩnh vừa không kiểm soát nổi các sĩ quan dưới quyền vừa dễ bị lung lạc. Chính những tướng lĩnh từng cúi rạp trước ông Ngô Đình Diệm đã đảo chính sát hại ông ; các tướng Ai Cập từng là bộ hạ ngoan ngoãn của Mubarak đang giam giữ và truy tố ông.

Tóm lại, các chế độ độc tài còn lại chắc chắn phải bị đào thải. Chúng chỉ đàn áp chứ không có gì để thuyết phục và hứa hẹn, trong hai chân phải có của một chế độ chính trị chúng chỉ có một. Chúng là những chế độ què và không thể đứng lâu. Như một qui luật, chúng ngày càng co cụm lại và bị thù ghét, sau cùng bị lật đổ vì áp lực của quần chúng với sự đồng tình của quân đội. Không thể khác, các chế độ này thực ra là những quái thai chính trị. Từ ngàn xưa mọi chính quyền độc đoán đều phải dựa trên một tôn giáo hay một chủ nghĩa. Các chế độ độc tài hậu cộng sản đáng lẽ không thể có, chúng đã chỉ tồn tại được nhờ một tình trạng không bình thường của thế giới trong giai đoạn chuyển tiếp về một trật tự thế giới mới. Nhưng thế giới đã chín muồi cho một chuyển động mới. Làn sóng dân chủ thứ tư đã bắt đầu và chúng sẽ bị cuốn đi.

Chúng ta có thể trả lời chắc chắn cho câu hỏi thứ hai : làn sóng dân chủ thứ tư sẽ tràn tới Việt Nam.

Còn lại câu hỏi thứ ba : bao giờ ?

Một thay đổi chế độ thường do áp lực phối hợp của hai loại tác động từ bên trong và từ bên ngoài. Yếu tố bên ngoài trước hết là do ảnh hưởng lây lan, hay hiệu ứng vết dầu loang. Những gì xảy ra tại Tunisia đã lan sang Ai Cập và sau đó sang mọi nước trong vùng do sự kiện chúng vừa gợi hứng vừa công hiến những kinh nghiệm đấu tranh. Nhiều người dân chủ Việt Nam giờ này đang tự hỏi tại sao chúng ta lại không thể làm những gì mà các dân tộc Bắc Phi và Trung Đông đã làm, đồng thời cũng đang suy nghĩ cách tận dụng các phương tiện truyền thông đại chúng như Facebook, Twitter, điện thoại di động. Tuy nhiên, hiệu ứng lây lan chỉ có ảnh hưởng giới hạn, yếu tố bên ngoài có tác dụng lớn hơn là áp lực của dư luận thế giới và của các cường quốc dân chủ.

Những biến cố tại Libya và Côte d'Ivoire đang mở ra một kỷ nguyên mới trong bang giao quốc tế, đó là sự bình thường hóa những can thiệp từ bên ngoài để yểm trợ những đấu tranh giành dân



chủ trong lòng các quốc gia. Chủ quyền quốc gia không còn là một khái niệm bất di bất dịch, lãnh thổ quốc gia không còn được coi là vùng tự do lộng hành của những tập đoàn độc tài bạo ngược nữa. Trong trung hạn đó là một tin mừng và một tiền đề theo chiều hướng đúng.

Nhưng điều quan trọng đối với chúng ta là giai đoạn trước mắt, nghĩa là trong một hay hai năm tới. Phải nói rằng trong ngắn hạn yếu tố quốc tế sẽ không thuận lợi.

Trung Đông và Bắc Phi có tầm quan trọng chiến lược quá lớn, vừa do trữ lượng dầu mỏ vừa do sự thích nghi cần thiết nhưng khó khăn của Hồi Giáo với dân chủ, cho nên vùng này sẽ lôi kéo mọi quan tâm của các nước dân chủ trong một thời gian khá lâu.

Đối với Việt Nam áp lực chính từ bên ngoài sẽ là áp lực của dư luận thế giới và các tổ chức nhân quyền. Áp lực này quan trọng - vì khi sự chuyển hóa của các nước Hồi Giáo Bắc Phi và Trung Đông về dân chủ đã giải quyết xong trên nguyên tắc, dù chưa xong trên thực tế, thì thế giới sẽ nhìn những chế độ độc tài còn lại như Việt Nam và Trung Quốc như những quái thai - nhưng cũng không thể có tác dụng quyết định. Yếu tố quyết định sẽ chỉ có thể là yếu tố nội tại. Nói cách khác, dân chủ đến sớm hay muộn chủ yếu tùy thuộc người Việt Nam.

Về các yếu tố quốc nội, điều nghịch lý là trong khi diễn biến của chính quyền cộng sản và quần chúng Việt Nam khá rõ ràng thì phản ứng của trí thức Việt Nam vẫn còn là một dấu hỏi lớn. Quần chúng Việt Nam đã rất chín muồi cho dân chủ, hơn hẳn quần chúng Tunisia và Ai Cập. Họ muốn dân chủ và cũng dám khẳng định cộng khai là muốn dân chủ. Chính quyền cộng sản Việt Nam cũng tiến hóa đúng qui luật. Đại hội 11 vừa chứng tỏ đảng cộng sản chỉ còn là một hư cấu. Tổng bí thư Nguyễn Phú Trọng sẽ chỉ có quyền lực hình thức, quyền lực thực sự sẽ ở trong tay thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng. Bộ chính trị và ban bí thư không còn kiểm soát được chính phủ mà trái lại sẽ bị chính phủ khống chế, trong khi chính phủ trở thành ban chấp hành của một một nhóm người mà quyền lợi và sự sống còn gắn liền với ông Nguyễn Tấn Dũng ; đứng đầu quân đội là những tướng lĩnh mờ nhạt phục tùng ông Dũng. Bất mãn và phẫn nộ sau cùng đã có một đối tượng tập trung là ông Nguyễn Tấn Dũng. Ông Dũng không quan tâm tới chủ nghĩa, phương pháp cai trị của ông chỉ giản dị là đàn áp và ông đang gia tăng đàn áp. Tất cả diễn biến đúng bài bản. Chế độ cộng sản Việt Nam chắc chắn sẽ bị đào thải.

Nhưng bao giờ nó sẽ bị đào thải là một câu hỏi khó trả lời bởi vì còn một ẩn số quá lớn : cách ứng xử của trí thức Việt Nam. Cuộc cách mạng nào cũng phải do trí thức chủ xướng và lãnh đạo, và trí thức chỉ đảm nhiệm được vai trò của mình nếu dũng cảm và sáng suốt. Dũng cảm để dám chống lại thay vì phục tùng sự thô bạo, sáng suốt để hiểu rằng phải có tổ chức mới có sức mạnh.

Cho tới nay, trừ một vài ngoại lệ hiếm hoi, trí thức Việt Nam đã thiếu cả dũng cảm lẫn sáng suốt. Đất nước ta như đoàn tàu mà các toa đều đã sẵn sàng nhưng đầu tàu không chạy. Trí thức Việt Nam đi sau thay vì đi trước và dẫn đường cho quần chúng như trí thức các nước khác. Chúng ta đã nói nhiều về di sản lịch sử và văn hóa. Đã đến lúc phải vượt qua di sản đó. Chỉ cần trí thức Việt Nam ý thức được sự cần thiết phải trút bỏ gánh nặng di sản là tình hình có thể thay đổi rất nhanh chóng.

Nguyễn Gia Kiểng

(1) Nguyễn gia Kiểng, *Chuẩn bị cho một làn sóng dân chủ mới*, Thông Luận số 256, tháng 3-2011.



Mạn đàm

Vi Đức Hồi, một tấm lòng với tổ quốc Việt Nam

Nguyễn Văn Hiệp

Viết về anh Hồi là điều tôi muốn làm ngay từ ngày anh bị bắt, nhưng cứ ngần ngại. Sự ngần ngại này sinh từ những lý do có vẻ chính đáng, nhưng rồi tôi đã thực sự thấy rằng mình vừa sai vừa ấu trĩ khi vin vào những lý do tưởng chừng chính đáng ấy. Trước hết là sự liên lụy có thể xảy đến cho anh, thí dụ như anh có thể bị cáo buộc là có quan hệ với một "phần tử phản động ở nước ngoài" chẳng hạn, nhưng như thế thì thật quá khiếp nhục.

Tại sao mối quan hệ giữa những người Việt Nam với nhau cùng chia sẻ quan tâm trước các vấn đề đất nước lại có thể là một tội ? Ngay cả dù nếu đó là những nguyện vọng muốn thay đổi chế độ đi nữa, nó không thể là một tội mà trái lại phải được xem là một điều hết sức bình thường. Ở các nước bình thường với những chính quyền bình thường thì mọi ý chí muốn thay đổi chính quyền một cách hòa bình là một quyền công dân phải được tôn trọng, ngay cả nếu chính quyền đang có là một chính quyền lành mạnh. Ở Việt Nam thì chính quyền liên tiếp phạm sai lầm, và thực ra không thể không sai phạm vì sự hoai loạn đã nằm ngay từ trong cái gốc, tức là ngay trong chế độ chính trị.

Cũng cần khẳng định một lần nữa những liên hệ giữa những người Việt Nam trong và ngoài nước với nhau hoàn toàn không thể là một điều cấm kỵ. Đất nước Việt Nam là tài sản, là tình cảm chung, là một dự án tương lai chung. Và mọi người dù ở bất cứ nơi đâu trên thế giới, dù đang mang quốc tịch nào đều thực sự còn quan tâm tới vận mệnh, sự tồn vong của đất nước và dân tộc thì vẫn là những người Việt Nam đích thực, họ có đầy đủ quyền và trách nhiệm. Cần thẳng thắn bác bỏ lập luận cho rằng người ở nước ngoài không có tính chính danh để quan tâm tới các vấn đề của đất nước Việt Nam. Ngược lại, một người dù đang sinh sống trên đất nước Việt Nam nhưng lại thờ ơ với cái trở thành của cộng đồng quốc gia, chưa kể nếu hành động ngược lại lợi ích chung, gieo mầm di hại cho tương lai của đất nước thì cũng không có tư cách làm một người Việt Nam.

Tôi đã muốn viết về anh Vi Đức Hồi bởi vì phải thẳng thắn mà nói khi đứng trước một nhân cách đáng quý như thế, đặc biệt trong thời buổi nhiễu nhương của xã hội Việt Nam ngày hôm nay, được viết về anh là một niềm hạnh diện. Nhưng cũng phải thành thực mà nói, để viết về anh Hồi cho đầy đủ thì đó quả là một điều nằm ngoài sự ôm đồm có thể có được đối với tôi. Những dòng chia sẻ ở đây chỉ xuất phát từ góc độ tiếp cận cá nhân giới hạn. Phải nói ngay tôi luôn rất hạnh diện được vừa là đồng nghiệp vừa là chí hữu của anh hơn bốn năm trong tờ bán nguyệt san *Tổ Quốc*, cùng chia sẻ với anh nhiều trăn trở về đất nước Việt Nam. Viết về anh lúc này trước hết là do sự thôi thúc của một nghĩa vụ.

Anh Vi Đức Hồi đã bị tuyên phạt một bản án nặng một cách tàn bạo trên một bản cáo trạng quá sơ sài, sơ sài đến nỗi mọi người đều đã phỏng đoán nó chuẩn bị cho



một bản án trắng. Nhưng rồi chính quyền toàn trị vẫn tiếp tục dùng luật pháp như một dụng cụ khủng bố theo đúng bài bản Lenin, do quyết định vào phút chót của những người lãnh đạo chớp bu trong Bộ Chính Trị. Bản án 8 năm tù giam và 5 năm quản chế trong một phiên tòa chớp nhoáng ở Lạng Sơn không thể có lý giải nào khác hơn đó là một phản ứng sợ sệt của kẻ cầm quyền mất trí khi đối mặt với tâm thế sừng sững của Vi Đức Hồi.

Anh Hồi không hề sai khi ngay sau phiên tòa anh bình tĩnh và ân cần nói với chị Tươi, người vợ đồng cam cộng khổ với lý tưởng dân chủ của anh : "*Họ xử anh như thế là họ đang tạc tượng anh đấy. Em hãy giữ gìn sức khỏe để lo cho con*". Đúng là bản án trắng trợn và độc ác đó đã có một tác dụng dựng vững một ngọn hải đăng mới cho con tàu dân chủ Việt Nam.

Một "ngọn hải đăng mới cho con tàu dân chủ Việt Nam" ? Nói như thế có sợ bị cho là cường điệu không ? Tôi không hề lo ngại, bởi vì tôi thành thực nghĩ anh là một mẫu mực trong cuộc vận động dân chủ. Tuy chưa hề được gặp mặt, nhưng trong một khoảng thời gian không ngắn nhờ phương tiện truyền thông hiện đại tôi đã có nhiều cơ hội trò chuyện, trao đổi thân tình với anh trên nhiều vấn đề.

Tất cả đã để lại trong tôi những dấu ấn sâu sắc về con người, về nhân cách lớn của anh.

Trước hết phải nhắc mạnh tới vị thế mà anh Vi Đức Hồi đang có trong xã hội và trong hệ thống chính trị của đảng cộng sản trước khi anh quyết định đến với lý tưởng dân chủ. Anh mới ngoài năm mươi, đang ở độ tuổi sung mãn, lại đang giữ địa vị giám đốc trường đảng Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn. Với bản lãnh và khả năng rất cao của anh, Vi Đức Hồi có thể dễ dàng vươn tới



nắm những chức vụ cao nhất trong guồng máy của đảng cộng sản. Nhưng lương tâm của anh không cho phép làm những điều mà rất nhiều đảng viên cộng sản khác đang làm : cứ nhắm mắt, chai lì vô cảm trước các vấn đề nhiễu nhương của xã hội đang diễn ra hàng ngày để luồn lách tiền thân. Đối với anh Hồi, sau những cọ xát với những vấn đề của thực tiễn xã hội, qua thời gian tiếp xúc với những thông tin đúng đắn về dân chủ, trong anh đã hình thành một cơ sở lý luận dân chủ vững chắc. Nhưng phần quan trọng không kém đó chính là niềm tin trong sáng, mãnh liệt vào những giá trị chân chính của thời đại, niềm tin vào những quyền con người rất phổ cập và thiêng liêng mà cộng đồng dân tộc phải xứng đáng được hưởng. Chúng chính là những động lực khiến anh thần nhiên từ bỏ những quyền lợi mà nhiều người đang mơ ước. Anh đã dấn thân cho nỗ lực dân chủ hóa Việt Nam, đã an nhiên chờ đợi những oan nghiệt phải xảy đến.

Chính quyền toàn trị đã phản ứng vì run sợ trước những người đấu tranh có bản lĩnh như anh Vi Đức Hồi. Đây là một điểm sáng đáng khâm phục trong con người của anh. Anh Vi Đức Hồi có một bề dày kinh nghiệm chính trị đỉnh đạc, tên tuổi



của anh càng ngày càng được nhiều người biết đến, trong nước và trên trường quốc tế. Anh luôn có thể chọn lựa đấu tranh chính trị kiểu nhân sĩ gây tiếng vang cho tên tuổi mình, vừa an toàn vừa dễ nổi tiếng và được nhiều người tung hô, nhưng Vi Đức Hồi đã không như thế.



Anh Hồi hiểu rằng đấu tranh chính trị không bao giờ có thể là đấu tranh cá nhân. Anh đã đấu tranh một cách mà anh thừa biết là vừa không ảm ỉ vừa nguy hiểm. Một cung cách đấu tranh đứng đắn và lương thiện. Anh tìm đến với những người dân chủ khác như cụ Hoàng Minh Chính trước đây, ông Nguyễn Thanh Giang, linh mục Nguyễn Văn Lý, anh em ban biên tập báo *Tổ Quốc*. Anh tìm đến với họ để đóng góp cho cuộc vận động dân chủ một cách khiêm tốn. Anh không hề có tham vọng chính trị cá nhân. Thái độ của anh đã bác bỏ một cách thuyết phục lập luận thường thấy, đó là "tôi không có tham vọng chính trị nên không cần hợp tác với ai hay đứng trong một tổ chức chính trị nào cả, tôi chỉ cần đứng đấu tranh chính trị đơn lẻ là đủ". Quả thực nguyên tắc bó buộc tưởng chừng hiển nhiên nhưng dường như không phải ai cũng muốn nhìn thấy.

Có lần anh Hồi đã nói với tôi "nếu bây giờ ngay cả anh có tuyên bố anh là thành viên của đảng Việt Tân đi nữa thì họ cũng không có quyền làm gì anh". Anh nói đúng, tự do kết hợp, quyền thành lập và tham gia hội đoàn là một quyền con người căn bản được xác định trong hiến chương Liên Hiệp Quốc và cũng được công nhận trong văn bản cao nhất của nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam. Cuối cùng thì bạo quyền đã bắt anh mà không cần lý do gì cả. Họ cầm tù anh chỉ vì lo sợ anh.

Chính quyền toàn trị mong dùng tù ngục hồng để khuất phục ý chí của anh Vi Đức Hồi, nhưng họ hoàn toàn sai lầm. Công cụ bạo lực lao tù chỉ phô bày sự bi ối chứ chẳng thu phục được ai khi dựa trên một phán quyết tuyệt đối phi nghĩa. Gông cùm không thể giam hãm tâm thể sừng sững của anh. Bản án tám năm dành cho anh chẳng qua là một hành vi tuyệt vọng của chế độ đang cố từng ngày đêm những ngày tháng còn lại trên đầu ngón tay. Nhưng nó chỉ là một liều thuốc vô hiệu đối với một con bệnh đang hấp hối như chế độ mục ruỗng này. Nó chỉ khiến chế độ bị thù ghét hơn, bị cô lập hơn và gục ngã nhanh chóng hơn.

Thái độ của anh, tinh thần của anh, tầng văn hóa của anh đang làm nên ngọn hải đăng dân chủ. Nó đang chiếu sáng dù thân xác anh đang bị giam hãm trong tù ngục. Chắc chắn phong trào dân chủ Việt Nam sẽ ngày càng có thêm nhiều Vi Đức Hồi khác, tạo nên cụm hải đăng ngày càng tỏa sáng cho con tàu dân chủ Việt Nam.

Nếu không có một tấm lòng nhân bản để tôn vinh những giá trị phổ quát của con người, nếu không có một tấm lòng da diết với dân tộc và tổ quốc Việt Nam thì không thể có được một Vi Đức Hồi với một thái độ, một tinh thần, và một tầng văn hóa đấu tranh như thế.



Làn sóng dân chủ mới đang dồn dập tràn qua khắp địa cầu. Dân tộc đang đứng bên anh. Anh sẽ lấy lại được tự do trong vinh quang, anh Hồi ạ.

Nguyễn Văn Hiệp
(Charlotte, NC)

Thời sự Trung Cận Đông

Thực chất của cuộc nổi dậy tại Libya

Nguyễn Văn Huy

Sau Tunisia và Ai Cập, phong trào chống đối của người Ả Rập tràn vào Libya. Sau hơn ba tuần lễ bị cấm vận quân sự và bị liên minh quốc tế dội bom liên tục, dư luận trong và ngoài Libya tin rằng bạo quyền Kadhafi sẽ nhanh chóng sụp đổ và phong trào chống đối sẽ lên thay thế, v.v.

Nhưng thực tế đã không giản dị như vậy. Kadhafi đã không những tiếp tục ở lại chính quyền mà còn thành công trong việc tái chiếm những mục tiêu kinh tế chiến lược đã lọt vào tay quân nổi dậy trước đó.

Yếu tố nào đã giúp Kadhafi tồn tại ?

Khác với cuộc nổi dậy của cộng đồng người Ả Rập tại Trung Cận đông, sự chống đối của người Libya không xuất phát từ giới trí thức hay thợ thuyền mà từ các bộ lạc. Chủ đích của những đòi hỏi cũng khác nhau. Dân chúng Tunisia, Ai Cập, Yemen và Syria đòi tự do, dân chủ, việc làm và cơm áo, các bộ lạc tại Libya chỉ đòi được phân chia phúc lợi đồng đều hơn.

Tại sao có sự khác biệt này ? Lý do là từ ngày lập quốc đến nay (1951), tự do dân chủ chưa bao giờ là một giá trị để các chính quyền áp dụng trong nước. Sự tồn tại của Libya không theo một định chế chính trị mẫu mực nào của phương Tây mà chủ yếu dựa trên liên minh giữa các bộ lạc. Bộ lạc ở đây phải hiểu là sự kết hợp của nhiều bộ tộc và bộ lạc nhỏ cùng chung huyết thống sinh sống trên cùng khu vực địa lý. Vai trò chủ yếu của người lãnh đạo bộ lạc, *cheikh* (tù trưởng hay lãnh tụ), là gìn giữ sự thống nhất nội bộ và là gạch nối trung gian giữa chính quyền trung ương và các bộ lạc. Cũng nên biết, quyền lãnh đạo của Libya hiện nay chỉ quanh quẩn trong tay 140 dòng họ (bộ tộc) chính.

Theo một truyền thống đã có từ lâu đời, mỗi bộ lạc là một đơn vị kinh tế, chính trị và xã hội độc lập với chính quyền trung ương. Cũng theo một qui ước bất thành văn đã có từ lâu đời, không gian sinh tồn của mỗi bộ lạc là một khu vực bất khả xâm phạm, không bộ lạc nào được quyền xâm phạm lãnh thổ của bộ lạc nào. Khi có tranh chấp, chính quyền trung ương tổ chức một cuộc thương thuyết giữa các vị tù trưởng của các bộ lạc lớn để giải quyết.

Dân số Libya hiện nay trên 6,5 triệu người, trong đó 90% là người Ả Rập và 85% trong số đó xuất thân từ 4 bộ lạc lớn : Warfalah, Kadhafa, Makarha và Tuareg. Mỗi bộ lạc lớn là sự kết hợp của nhiều bộ lạc nhỏ. Thí dụ :

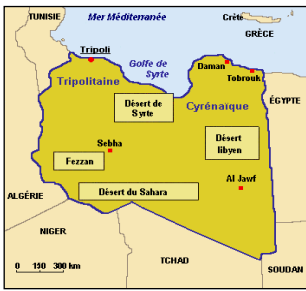
- Khu vực phía đông (Cyrenaica), trung tâm xuất phát cuộc nổi dậy, là địa bàn sinh trú của bộ lạc Warfalah cùng với nhiều bộ lạc nhỏ khác như Zawayah, Awaqir, Abid, Barasa, Darsa, Arafah, Majabrah, Awajilah, Minifah, Abaydat, Fawakir...

- Khu vực trung tâm (Tripolitania), địa bàn sinh trú của bộ lạc Kadhafa, trong đó Kadhafi là một bộ tộc lớn, qui tụ các bộ lạc nhỏ khác như Mugharbah, Ziaan, Rojahan, Ortella, Riaina, Farjane...

- Khu vực sa mạc Sahara phía tây nam (Fezzan) là nơi qui tụ các bộ lạc du mục Beduins và Tuareg, dưới các bộ lạc này là những nhóm du mục nhỏ khác như Hausa, Tebu, v.v.

Sở dĩ Kadhafi nắm giữ chính quyền liên tục trong suốt 40 năm qua là đã biết dung hòa quyền lợi của các bộ lạc để tranh thủ sự ủng hộ. Sự nổi dậy của người Ả Rập tại Libya hiện nay chỉ là một phản ứng bình thường của những bộ lạc mà quyền lợi không được phân chia đồng đều. Điều này cho thấy Kadhafi đã lên cầm quyền nhờ sự ủng hộ của các bộ lạc và hiện nay đang sắp mất





chính quyền cũng vì các bộ lạc. Phải nắm vững yếu tố bộ lạc mới hiểu những gì đã, đang và sẽ xảy ra tại Libya trong những ngày sắp tới.

Chính sách cầm quyền của Kadhafi

Chính sách cầm quyền của lãnh tụ Muammar Kadhafi dựa trên liên minh giữa các bộ lạc hơn là với các đảng phái chính trị. Từ sau ngày lật đổ vua Idris đệ nhất năm 1969, Kadhafi tuyên bố thành lập nước Đại Cộng hòa xã hội chủ nghĩa nhân dân Ả Rập Lybia với đầy đủ tất cả những qui chế của một quốc gia bình thường, nghĩa là tam quyền phân lập, nhưng trong thực tế tổ chức chính quyền chỉ là một liên minh cầm quyền phi định chế giữa ba bộ lạc lớn : Warfallah, Kadhafa và Makarha.

Nhắc lại, cho đến năm 1951, Libya chưa bao giờ là một quốc gia đúng nghĩa, sự tồn tại của người Libya trong suốt dòng lịch sử là biết liên kết với những bộ lạc du mục cùng chung huyết thống với nhau. Khu vực sinh trú của người Libu, tiền nhân các bộ lạc tạo thành quốc gia Libya ngày nay, nằm trên đường vận chuyển người và hàng hóa từ Trung Cận Đông đến bờ biển Đại Tây Dương phía tây, do đó liên tục bị những thế lực khu vực của mỗi thời đại chiếm đóng : Phoenician, Hy Lạp, Ai Cập, Carthaginian, đế quốc La Mã, Tây Ban Nha, đế quốc Ottoman, đế quốc và phát xít Ý, quốc xã đức, Anh, Pháp. Năm 1951, Liên Hiệp Quốc trao trả độc lập cho Libya dưới quyền lãnh đạo của vua Idris đệ nhất, một người thuộc bộ tộc Sanussi tại Cyrenaica. Nguồn lợi chính của quốc gia Libya là dầu lửa, được khám phá năm 1956.

Trở lại chính sách cầm quyền, trong những năm đầu lãnh đạo, Kadhafi phân chia đồng đều các chức vụ trong chính quyền, quân đội và kinh tài cho các chức sắc của các bộ lạc lớn. Mỗi bộ lạc được phép cai quản một khu vực và có quyền đưa người vào các chức vụ thấp hơn như an ninh, vệ sĩ, công nhân viên nhà nước.

- Bộ lạc Warfallah được quyền cai quản khu vực phía đông (Cyrenaica). Warfallah là bộ lạc lớn nhất nước, với hơn một triệu dân, trải dài trên một vùng đất rộng lớn phía đông Libya, giáp ranh với Ai Cập, thủ phủ là Benghazi. Tuy là bộ lạc đông dân nhất, hơn một triệu người, và Cyrenaica là nơi có nhiều giếng dầu, khí đốt và hải cảng xuất khẩu dầu lớn nhất nước, nhưng khu vực phía đông đã không được tài trợ tương xứng với nguồn lợi do dầu khí mang lại. Trước sự thua thiệt này, Cyrenaica đã trở thành điểm xuất phát các cuộc nổi dậy chống Tripoli (thủ đô Libya). Nhiều đơn vị quân sự của bộ lạc này đã gia nhập phe chống đối và đang lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Kadhafi.

- Bộ lạc Kadhafa phụ trách quyền lãnh đạo khu vực trung tâm (Tripolitania). Kadhafa là bộ lạc xuất thân của gia đình Kadhafi, sinh sống trong khu vực trung tâm của Libya, thủ phủ là thành phố Sabha. Tuy chỉ có 126 000 dân, Kadhafa là bộ lạc được trang bị vũ trang hùng hậu nhất và là lực lượng đáng tin cậy nhất của gia đình Kadhafi. Nhân sự của bộ lạc này được tuyển dụng vào các lực lượng dân quân tự vệ, an ninh do chính các con trai của Kadhafi trực tiếp chỉ huy. Những người tung hô sẵn sàng chết cho Kadhafi đều xuất thân từ bộ lạc này.

- Makarha là bộ lạc lớn thứ ba được Kadhafi tin tưởng và giao cai quản một khu vực rộng lớn phía tây nam (Fezzan), thực ra là vùng sa mạc Sahara nghèo khổ. Nhưng từ sau cuộc đảo chánh hụt năm 1993, các cấp chỉ huy quân đội và viên chức cao cấp trong chính quyền của bộ lạc này đều bị thất sủng.

Ngoài ra còn có thể kể thêm sự hiện diện của các bộ lạc du mục Beduins và Tuareg, với hơn nửa triệu người, sinh sống trong khu vực sa mạc Sahara phía nam, và bộ lạc Zuaya, một chi nhánh của bộ lạc Warfallah, sinh sống cạnh các giếng dầu phía đông Libya, đang đe dọa gia nhập vào phe chống đối.



Tương lai nào cho Libya ?

Với cách tổ chức chính trị dựa trên liên minh bộ lạc như hiện nay, không ai có thể tiên đoán những gì sẽ xảy ra tại Libya trong những ngày sắp tới. Sự nổi dậy của quần chúng Libya không xuất phát từ những đòi hỏi về các quyền tự do và dân chủ, hay công án việc làm mà từ những đòi hỏi chia chác quyền lợi để có cuộc sống sung túc như dân chúng bộ lạc Kadhafa phía tây.

Nếu không có những vụ bắn giết người của bộ lạc Warfallah tại Benghazi hồi giữa tháng 2-2011 vừa qua, sự chống đối có lẽ đã không qui mô như hiện nay. Sát hại đồng chủng là một cấm kỵ, khi ra lệnh bắn vào đoàn người biểu tình Kadhafi đã xé bỏ khế ước bất thành văn là không được sát hại anh em gốc Beduin (du mục), hành động này không thể tha thứ. Thêm vào đó, thái độ kèn kiệu và khinh thường các định chế quốc tế của Kadhafi đã gây rất nhiều bất mãn trong giới lãnh đạo các cường quốc phương Tây. Loài trừ Kadhafi có lẽ là đồng thuận chung của các bộ lạc chống đối và của các cường quốc phương Tây.

Cũng nên nhớ, Kadhafi đã thoát hiểm hơn 40 âm mưu đảo chánh từ khi cầm quyền cho tới nay. Từ sau khi làm thất bại âm mưu đảo chánh năm 1993, Kadhafi nghi ngờ sự trung thành của các bộ lạc. Cũng từ sau ngày đó, tổ chức quân sự được chia thành hai phe rõ rệt : phe của bộ lạc Kadhafa, tức của gia đình Kadhafi, được huấn luyện và trang bị không thua gì quân đội của các quốc gia phương Tây tiên tiến ; ngược lại phe của các bộ lạc khác chỉ được trang bị với những loại vũ khí lỗi thời, có loại không còn sử dụng được nữa như các loại tên lửa phòng không đã có từ thời Liên Xô cũ. Đó là chưa kể chính sách tuyển dụng lính đánh thuê, đa số là người Châu Phi da đen (Nigeria, Zimbabwe, Liberia, Tchad và Sudan), vào lực lượng chủ lực bảo vệ chế độ.

Tại sao từ khi Nghị quyết 1973 của Liên Hiệp Quốc có hiệu lực thi hành (17-3-2011), Kadhafi vẫn tiếp tục cầm quyền và còn thành công trong cuộc tái chiếm những địa điểm chiến lược đã bị phe nổi dậy chiếm giữ ? Cái gì đã khiến Kadhafi đưa cuộc chiến vào thế giằng co tiến lui không dứt khoát ? Rất khó trả lời trong một câu đơn giản. Là một người khôn ngoan và đầy mưu lược, Kadhafi đang phục hồi lại liên minh các bộ lạc, nhưng chỉ với những bộ lạc nhỏ phía nam, tức các sắc dân du mục Beduins và Tuareg. Với liên minh mới này, Kadhafi đe dọa nội chiến sẽ xảy ra nếu ông không còn cầm quyền, vì các bộ lạc khác sẽ ức hiếp các sắc dân du mục. Thêm vào đó, vì liên minh quốc tế không can thiệp bằng bộ binh, quân đội của Kadhafi đã xen lẫn vào dân chúng ở tuyến phòng thủ của phe nổi dậy để tránh bị dội bom và nhờ đó tái chiếm lại một số địa điểm kinh tế chiến lược : hải cảng và giếng khai thác dầu. Kadhafi cũng biết rõ nỗi lo sợ của các quốc gia phương Tây đối với tổ chức khủng bố al Qaeda nên đã vu cáo phe nổi dậy bị al Qaeda xúi giục. Khi thấy lá bài này không thành công, Kadhafi liền kêu gọi Thánh chiến (jihad) và đã lôi kéo được sự đồng tình của một số quốc gia Hồi giáo quá khích. Nhưng cho dù đã làm đủ mọi cách để kéo dài thời gian cầm quyền, thời đại Kadhafi đang chấm dứt.

Vấn đề còn lại là nếu thành công phe chống đối sẽ tổ chức chính quyền như thế nào ? Cũng rất khó trả lời. Văn hóa bộ lạc và tôn giáo vẫn còn quá mạnh trong lối suy nghĩ của dân chúng Libya để có thể tin rằng phe chống đối sẽ làm một cuộc cách mạng sâu rộng thay đổi hẳn nếp sống đã có từ lâu đời. Lý thuyết chỉ đạo sinh hoạt của các bộ lạc vẫn căn cứ vào thánh kinh Coran. Hy vọng một quốc gia Libya dân chủ theo kiểu phương Tây sẽ được thành hình sau cuộc chống đối này là không sát với thực tế.

Nguyễn Văn Huy



Mạn đàm

Xin can quý vị !

Nghiêm Văn Thạch

Có lẽ ít ai biết hoặc còn nhớ đến bản "Tuyên ngôn của người Việt trong và ngoài nước nhân Cách Mạng Hoa Lài ở Bắc Phi và Trung Đông" do 37 tổ chức và 23 cá nhân ký tên.

Bản tuyên ngôn được tung ra cách đây một tháng, ngày 9-3-2011, hoàn toàn không thu hút được sự hưởng ứng nào, và không gây ra phản ứng gì dù là thuận hay chống. Trong những trao đổi về thời cuộc tôi không thấy ai nhắc tới nó. Các báo giấy, báo mạng Việt ngữ có số lượng người đọc đông đảo cũng không đăng.

Người viết đã chờ qua một tháng mới bình luận sự kiện vì hai lý do. Một là để không bị chụp mũ phá hoại, góp phần làm thất bại một hành động đầu tranh cho dân chủ. Hai là vì nghĩ không vội chi phải lên tiếng khi đã đoán trước là bản tuyên ngôn không thể có tác dụng gì. Và lại mục đích của bài viết ngắn này cũng chỉ là để nói lên rằng muốn phong trào dân chủ lớn mạnh thì giữa những người dân chủ với nhau cũng phải có phê bình và kiểm điểm thẳng thắn.

Kẻ viết bài này xin phép được tự giới thiệu là một kẻ đã tham gia hoặc quan sát hoạt động chính trị từ 1945, khi chưa đủ 16 tuổi, trong hàng ngũ Việt Nam Quốc Dân Đảng, trong tư thế một viên chức tầm thường trong các chính quyền quốc gia cho đến 1975, trong các đoàn thể người Việt hải ngoại, rồi phong trào dân chủ hiện tại. Đề cập tới quá trình hơn 60 năm đấu tranh và hoạt động chính trị, không phải để khoe khoang thành tích, có gì đáng khoe khoang đâu, mà chỉ cốt để độc giả chú ý đến một điều mà kinh nghiệm đã dạy tôi : không phải ai cũng có tư thế và khả năng để đưa ra một lời kêu gọi.

Bản thân tôi chưa hề dám có tham vọng soạn thảo hay đóng góp soạn thảo một tuyên ngôn hay lời kêu gọi nào. Kinh nghiệm học hỏi của tôi là những tuyên ngôn và lời kêu gọi quần chúng rất khó soạn thảo. Phải giản dị mà sâu sắc, cô đọng mà đầy đủ, để chinh phục những trái tim và thuyết phục những trí tuệ. Phải kêu gọi một hành động hay thái độ cụ thể, đồng thời phải thông báo một biến cố hay chuyển động quan trọng.

Một thí dụ : "Lời kêu gọi 18 Tháng 6" (*Appel du 18 Juin*) của tướng De Gaulle. Ông không những là một chính khách ngoại hạng, mà còn là một thiên tài về ngôn ngữ. Tuy vậy, để hoàn tất một bản văn chỉ có 360 từ, ông đã phải cặm cụi sửa đi sửa lại không biết bao nhiêu lần, mặc dù đã biết rõ phải nói những gì. Lời kêu gọi của ông đã được chuẩn bị từ trước để ra đúng lúc để đáp ứng với một biến cố lớn : hôm trước, ngày 17-6-1940, Chính phủ Pháp do thống chế Pétain cầm đầu vừa ký hiệp ước đầu hàng đức Quốc Xã. Nó có một mục tiêu rõ rệt là kêu gọi dân Pháp không chấp nhận hiệp ước này, và tiếp tục chiến đấu. Nó đưa ra một lý do vững chãi để tin tưởng vào thắng lợi cuối cùng : Pháp đã thua vì kém về cơ giới so với Đức, nhưng



một khi đã liên minh với Anh và Mỹ thì sẽ hơn hẳn Đức về cơ giới. Ông cũng là người có tư cách nhất để đưa ra lời kêu gọi : ông là bộ trưởng quốc phòng và là vị bộ trưởng duy nhất trong nội các chiến tranh Pháp đã đào thoát ra nước ngoài để tiếp tục kháng chiến chứ không chấp nhận đầu hàng. Ông là người đã tiên liệu nguy cơ thua kém về vũ khí của Pháp so với Đức ; ông có uy tín, có đội ngũ, và được cả Anh và Mỹ ủng hộ.

Tóm lại, không phải ai cũng có tư cách để đưa ra một lời kêu gọi. Và không phải ai cũng có khả năng viết ra một tuyên ngôn. Một người có tư cách kêu gọi và có khả năng viết ra bản tuyên ngôn đặc sắc cũng chỉ có thể đưa ra lời kêu gọi trong những trường hợp đặc biệt, để kêu gọi quần chúng hưởng ứng một hành động cụ thể mà mình đã tiên liệu và chuẩn bị.

Bản tuyên ngôn "Hoa Lài" (tạm gọi tắt như thế vì tên đặt quá dài và luộm thuộm) không có một điều kiện nào trong những điều kiện kể trên. Nó được ký bởi 37 tổ chức không có trọng lượng. Danh sách các tổ chức ký tên cũng không nghiêm chỉnh. Khôi 8406 không phải là một tổ chức ; các tổ chức khác không có thực chất và uy tín. Có những tổ chức không ai biết đến, có những tổ chức chỉ có một vài người. Có khi có nhiều tên khác nhau mà thực ra chỉ có một tổ chức. Trong một trường hợp - xin để độc giả tìm ra, dù sao cũng không quan trọng - có bảy (7) tên gọi cho cùng một tổ chức.

Bản tuyên ngôn rất thiếu phẩm chất. Nó không có văn phong và lời lẽ của một tuyên ngôn. Rất có thể nó không phải là kết quả của một cuộc thảo luận chung mà chỉ do một người nào đó hứng chí soạn ra dù không có khả năng viết tuyên ngôn hay lời kêu gọi. Bản văn lủng củng và vô nghĩa, tỏ giác một khả năng nhận định và tổng hợp rất giới hạn của tác giả.

Có những câu ngây ngô, như "sự ủng hộ của gia đình và bạn bè cũng như của các thầy cô của họ và các thành phần quân đội, chúng tôi tuổi trẻ ở các nước đó đã đi đúng đường". Vậy nếu không được gia đình, bạn bè, thầy cô, và quân đội ủng hộ là không đi đúng đường ? Tội nghiệp cho những thanh niên Việt Nam dân thân đầu tranh cho dân chủ ; trong đa số họ không được gia đình, bạn bè và thầy cô tán thành.

Hoặc "sự vận động qui mô và thành công qua các phương tiện truyền thông đại chúng như Internet, Facebook, Twitter, điện thoại di động chứng tỏ rằng không một chế độ độc tài nào....". Tại sao các phương tiện lại chứng tỏ ?

Và bản tuyên ngôn "kêu gọi tuổi trẻ Việt Nam tích cực chuẩn bị đứng lên cứu nguy tổ quốc và chứng minh cho thế giới biết rằng truyền thống Trung-Triệu và bao anh hùng ... còn nguyên giá trị". Nếu hưởng ứng lời kêu gọi này thì tuổi trẻ Việt Nam



phải chuẩn bị như thế nào ? Đây là thí dụ điển hình của một trạng thái rạo rực, muốn kêu gọi sự hưởng ứng và qui tụ, nhưng chưa có ý kiến nào rõ rệt và cũng không có gì để đề nghị.

Trong những cá nhân ký tên dưới bản tuyên ngôn, có những vị mà tôi vẫn theo dõi và quý trọng như ông

Đoàn Việt Hoạt, ông Trần Bình Nam, nhà báo Trần Khải, v.v... Tôi tin rằng các vị này, và nhiều vị khác nữa mà tôi không hân hạnh được biết, đã ký vì cả nể do được mời đích danh chứ trong thâm tâm cũng không hứng khởi mà còn có thể phiền lòng.

Nhưng cứ giả thử rằng tất cả những người và tổ chức ký tên kêu gọi đều có uy tín, có tư cách lên tiếng kêu gọi và thêm nữa, đã thảo ra một bản tuyên ngôn thực sự có giá trị, thì có nên đưa ra những lời kêu gọi như thế này không ? Tôi nghĩ là cũng không nên.

Nếu bỏ chút thời giờ để nghiên cứu diễn tiến những cuộc cách mạng thì ta thấy được ngay rằng vận động quần chúng chỉ là giai đoạn cuối của một cố gắng chuẩn bị kiên trì, trong đó điều quan trọng nhất là xây dựng được một tổ chức dân chủ có tầm vóc và có uy tín.

Nếu chưa chuẩn bị xong mà kêu gọi quần chúng thì chỉ là gây thương, hoặc vô ý thức, hoặc vô trách nhiệm.

Những lời kêu gọi suông nhanh chóng chìm vào quên lãng như một viên sỏi ném xuống biển cả là lẽ dĩ nhiên. Chúng chẳng có tác dụng gì, chỉ gây nhầm lẫn và còn có thể đánh lạc sự chú ý khỏi những cố gắng nghiêm chỉnh. Trong tương lai, khi những tổ chức thực sự có chuẩn bị đưa ra lời kêu gọi hành động thì lời kêu gọi này sẽ có nguy cơ cũng bị coi như là một lời kêu gọi vô bổ.

Trước một khúc quanh lịch sử quan trọng, người ta đưa ra lời kêu gọi quần chúng vì đã sẵn có uy tín và lực lượng chứ không phải đưa ra lời kêu gọi để hy vọng được biết tới và nhờ đó sẽ có uy tín và lực lượng. Và cũng cần chấm dứt thói quen mỗi khi thấy tình thế có vẻ thuận lợi bèn rủ nhau lập tổ chức, lập liên minh, ra tuyên ngôn kêu gọi v.v.

Trong tư thế rất khiêm nhường của một người không có thành tích hay địa vị nào, lại đã ở tuổi đời 82 không thể còn có tham vọng nào về chính trị ngoài hoài bão góp phần nhỏ bé của mình vào cuộc vận động dân chủ cho đất nước, tôi khẩn khoản xin quý vị đừng lấy những sáng kiến vô bổ như vậy nữa.

Đối với những vị tôi quý mến, tôi cầu xin quý vị đặt lợi ích của cuộc vận động dân chủ lên trên mọi nể nang, mong quý vị thẳng thắn từ khước mọi đề xuất phù phiếm chỉ làm loãng cố gắng đấu tranh cho dân chủ.

Mong lắm thay, mong lắm thay !



Đất nước có thể đang mấp mé một vận hội mới. Tình trạng trì trệ và hỗn tạp trên chiến tuyến đấu tranh với chế độ độc tài cộng sản đòi hỏi mỗi người dân chủ trước hết phải khiêm tốn và nghiêm túc.

Nghiêm Văn Thạch
(Paris, 9-4-2011)



Mạn đàm

Bất bạo động, sức mạnh của công lý

Nguyễn Gia Thường

Câu chuyện xảy ra tại một trại giam ở nước Đức vào thời đệ Nhị Thế chiến. Đời sống của các tù nhân rất là cơ cực. Trời rét lạnh căm căm, cơm đói dần vật, tù nhân vẫn phải tiếp tục lao động khổ sai. Họ mong được trở về căn nhà giam trong trại để nghỉ ngơi. Nhưng trong căn nhà này có một anh gác ngục mang giấy bắt đang chờ đợi họ về để tìm cách giải khuây. Đương sự là người duy nhất trong trại vui đùa trên sự đau khổ của kẻ khác. Hắn bóp mũi một tù nhân nọ, hắn đá vào bụng một tù nhân kia. Mỗi khi chiều về mọi tù nhân đều tự hỏi không biết hôm nay đến phiên mình bị hành hạ chưa.

Một hôm có một người can đảm đến trước mặt anh cai ngục và nói :

- Mỗi ngày ông phải đánh một người. Tôi xin phép ông để cho tôi là người chịu đòn ngày hôm nay.

- À, thằng này giỏi thật. Mày muốn tỏ vẻ khôn ngoan với tao hả. Mày thử đoán xem mày nhận bao nhiêu đòn roi của tao sắp đánh đây...

- Tôi không có bốn phận phải nói tôi nhận bao nhiêu đòn, tôi để cho lương tâm ông trả lời.

- Lương tâm hả, lương tâm của tao hả. Tao làm gì có lương tâm.

Người tù bình tĩnh đáp lại :

- Có chứ. Ông có lương tâm đấy chứ. Bằng chứng là ông chưa đánh tôi.

Người tù chậm rãi đi bước tới, không thèm nhìn anh cai ngục, nói tiếp :

- Tôi tin rằng tôi này ông sẽ không đánh đập tôi...

Cuối cùng người tù quay lại nhìn anh cai ngục. Anh cai ngục, mặt tái đi, nhìn chằm chằm về phía trước, nước mắt tuôn trào và đôi môi run rẩy.

Từ bao lâu rồi, chẳng ai nhắc nhở đến lương tâm của anh cai ngục khốn khổ này, và có lẽ đây là lý do anh đã đánh mất sự sáng suốt của anh.

Kể từ ngày đó, không một tù nhân nào bị anh ta đánh đập nữa.

Đơn giản nhưng tinh tế

Con người từ ngàn năm luôn dùng bạo lực để giải quyết xung đột. Bạo lực đã ăn sâu vào tiềm thức và não trạng của con người. Con người nghĩ rằng đó là giải pháp nhanh nhất và hữu hiệu nhất để giải quyết những tranh chấp. Và điều này đã đưa đến những cuộc xung đột tàn khốc và lịch sử nhân loại chỉ là một chuỗi dài những cuộc chiến. Bước sang thế kỷ thứ XXI, con người khôn ngoan hơn và tìm ra được mô hình dân chủ, phương thức "win - win", (cả hai cùng hưởng lợi) đến độ triết gia Francis Fukuyama phải tuyên bố : "Lịch sử của nhân loài đã chấm dứt", vì con người đã nhận thức phần nào chiến tranh không còn là phương tiện duy nhất để giải quyết



xung đột, con người không còn tin theo một hệ tư tưởng nhất nguyên nào nữa để phải hy sinh cả mấy thế hệ rồi kết quả chẳng lấy gì tốt đẹp.

Bất bạo động là một ý niệm đơn giản nhưng tinh tế. Con người cảm thấy khó khăn khi muốn đem áp dụng nó và đôi lúc không hiểu nó là gì tại vì nó hoàn toàn xa lạ với cách hành xử thông thường của con người, có nghĩa là nếu không vừa ý là con người dùng ngay bạo lực để giải quyết. Vấn đề trở nên phức tạp hơn khi con người tưởng rằng đã nắm bắt được ý niệm này và cho rằng bất bạo động là từ chối mọi đấu tranh và tìm cách luồn lách và tránh né những đòn đánh của đối thủ.

Theo ông Lanza del Vasto, bất bạo động bao trùm ba định nghĩa chính : 1. Bất bạo động là giải quyết xung đột ; 2. Bất bạo động là sức mạnh của công lý ; 3. Bất bạo động là đòn bẩy để cải hóa đối thủ.

1. Giải quyết xung đột

Người ta chỉ nói đến bất bạo động khi nào có xung đột. Chúng ta không thể gọi con người bất bạo động là con người tìm cách lẩn trốn trong khi thế giới đang bùng lửa. Chúng ta không thể đoán biết được ai là người có tinh thần bất bạo động. Chúng ta chỉ nhận ra con người có tinh thần bất bạo động khi họ giải quyết xung đột mà không dùng đến sự ép buộc và cũng không dùng đến mảnh khoe. Bất bạo động là dám nói không với bạo lực và từ chối tất cả những hình thức bất công, lạm dụng và dối trá.

Đứng trước một tình thế xung đột, chúng ta thoát tiên chỉ thấy có bốn thái độ.

- Thứ nhất là ngoảnh mặt làm ngơ và lẩn tránh vấn đề, nhất là khi chúng ta cảm thấy chúng ta không phải là nạn nhân trực tiếp, bởi vì như các bạn đều biết "chúng ta có đủ can đảm để chấp nhận những xấu xa của kẻ khác". Chuyện này xét cho cùng không liên quan gì đến chúng ta. Chúng ta bình thản và lặng lẽ tránh né.

- Thái độ thứ hai là can đảm nhảy vào cuộc, đâm đá, ăn thua đủ và nhất là phải thắng nếu chúng ta có sức.

- Thái độ thứ ba là quay lưng bỏ chạy, "mũ ni che tai" và áp dụng kẻ thứ 36 "tẩu vi thượng sách".

- Thái độ thứ bốn là giơ hai tay lên trời, quỳ gối, van xin và khẩn nài xin được khoan hồng, nói tóm lại là đầu hàng.

Các bạn có thấy được thái độ thứ năm không ?

- Thái độ thứ năm và 1 phương sách cuối cùng : bất bạo động.

Thái độ thứ năm gạt bỏ tất cả bốn thái độ kể trên. Không lãnh đạm, không ầu đã, không chạy trốn, không đầu hàng, vậy chúng ta phải làm gì ?

Chúng ta phải đương đầu với địch thủ và buộc địch thủ nhận biết địch thủ cũng là người như chúng ta. Đó là sự thật không thể tránh né. Nếu đương sự là người thì tinh thần công lý tiềm ẩn nơi con người của đương sự cũng như của mỗi một con người. Đã là con người thì ai cũng khát khao công lý. Và công lý đơn giản như hai với hai là bốn. Cho dù các bạn có muốn hay không muốn, các bạn có thông thái hay kém cỏi, các bạn có sức mạnh hay yếu đuối, kết quả phải là bốn, không thể nào khác được.

Khi các bạn hành xử như vậy, các bạn không còn đứng dưng thờ ơ nữa, các bạn không trốn chạy, không lùi bước. Các bạn

kháng cự và giữ chặt đối thủ, các bạn chỉ buông tha khi xung đột đã được giải quyết.

Bất bạo động chính là giải pháp duy nhất, không có giải pháp nào khác để giải quyết xung đột. Nếu bạn lấy oán báo oán, bạn không dứt bỏ được cái oán, bạn nhân cái oán lên gấp gấp đôi. Làm thế nào chúng ta gọi là thiện khi chúng ta dùng cái ác để đánh lại cái ác.

Bạn làm thế nào để ngăn chặn cái ác, trong khi chính bạn gắn thêm một mắt xích vào chuỗi dài những điều ác ? Vì kẻ thua cuộc trông chờ ngày phục hận để báo thù. Nếu bạn giết người này, anh em của người này sẽ tìm cách báo thù. Nếu bạn lấy xích xiềng để còng người này, chính bạn là con người cầm dây xích ở đầu bên kia. Bạo lực là sợi dây liên tục. Những ai dùng bạo lực để cời trói thực ra chỉ tôi luyện cho sợi dây bạo lực rắn chắc hơn. Chỉ có bất bạo động là giải pháp hữu hiệu nhất, cắt đứt chuỗi dài bạo lực và thực sự giải thoát con người.

2. Sức mạnh của công lý

Công lý tự bản chất là một sức mạnh, là một chân lý giống hệt như chân lý toán học. Sức mạnh của công lý giống như phương trình toán học một bằng một. Như vậy tại sao có những kẻ gây nên bất công và ai là kẻ ác.

Thật ra kẻ ác không có. Vì chẳng bao giờ có ai tự nhận mình là kẻ ác cả. Mọi người đều ra sức đấu tranh để công lý được thể hiện, nếu không con người không còn định hướng và không có lý do để hành động. Cái ác không phải là cái ác mà là một việc thiện chưa hoàn tất mà người ta tưởng là toàn hảo rồi, một điều lợi trước mắt mà người ta tưởng là một việc thiện lâu bền. Trái ngược với công lý không phải là bất công, mà là phân biệt đối xử, là đầu óc thiên vị.

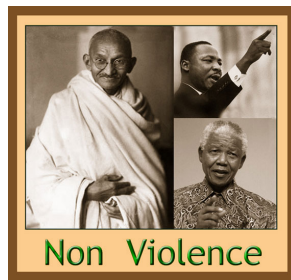
Tất cả những điều ác và tất cả những bất công đều phát xuất từ sự sai lầm và mê muội. "Khi tư tưởng lầm đường, sự mê muội tiếp nối theo như bánh xe của một cỗ xe theo vết chân của con bò kéo", lời của một vị hiền triết vẫn còn vang vọng nơi đây.

Kẻ ác là ai ? Ai là người đã cướp của cải của tôi, đã chà đạp lên quyền lợi của tôi, muốn giết tôi và những người thân yêu của tôi ? Con người này là một tên khốn kiếp, mặt dày, đáng khinh rẻ. Hắn là một tay nham hiểm lạnh lùng, là một thằng phản bội, là một tên giả hình, là một tên khốn nạn. Hắn đúng là kẻ thù của ta. Hắn là ai ? Hắn là một người đã đi lầm đường.

Nhận xét này rất quan trọng, vì trên căn bản này mà bất bạo động bén rễ.

Hệ lụy thứ nhất rút ra từ nhận định này là chúng ta không có quyền thù ghét người này. Ghét một người lầm đường là một việc vô bổ, khô hời, không thức thời và bất công.

Hệ lụy thứ hai là tôi có bốn phận đơn giản nhưng cấp bách là vạch đường chỉ lối cho đương sự thấy là đương sự sai lầm. Việc này rất là tự nhiên. Chúng ta luôn làm việc này một cách bộc trực khi chúng ta nghe một ai xác định một điều gì sai, ngay cả khi người đó không trực tiếp nói chuyện với chúng ta và ngay cả chuyện đó không liên quan gì đến chúng ta. Chúng ta làm việc này vì chúng ta tôn trọng sự thật, và sự thật liên can đến



mọi người. Chúng ta sống nhờ sự thật và chúng ta hiện diện cũng nhờ sự thật.

Hệ lụy thứ ba là chúng ta phải dàn trận và lập kế hoạch để phản biện từng lập luận của địch thủ, những biện minh địch thủ dùng để tự bào chữa, tự bao che khiến cho đương sự bị mê muội, để cuối cùng cho đương sự thấy dung nhan trần trụi của đương sự trước những phán đoán của chính lương tâm đương sự.

Sức mạnh của thuyết phục

Bắt bạo động là một việc đơn giản, nhưng thực hiện bắt bạo động không phải là chuyện dễ. Nếu không có ông Gandhi thực hiện hữu hiệu cuộc đấu tranh bắt bạo động tại Ấn Độ, ít ai dám cho rằng bắt bạo động là một việc có thể làm được.

Cho dù chúng ta phải mệt mỏi, chúng ta phải đau đớn và nhất là đau đầu suy nghĩ để tìm giải pháp, nhưng chúng ta không đòi hỏi xương máu của bất cứ ai, yêu cầu hy sinh tính mạng của bất cứ ai. Hệ quả của bắt bạo động là không có kẻ thua cuộc, không một ai bị hạ nhục và bị trả thù. Đó chính là sự khôn ngoan và sự khôn ngoan tránh cho chúng ta dùng đến vũ lực.

Đôi khi bắt bạo động cũng ngăn ngừa những xung đột và ngăn chặn xung đột bùng nổ do những lời lẽ chính đáng, chừng mực và công bằng. Nó làm dịu sự phẫn nộ của người những tưởng mình bị thiệt hại, bị xâm phạm hoặc bị đe dọa. Đó chính là sức mạnh của thuyết phục.

Sức mạnh của niềm tin

Đôi khi lời lẽ là hành động. Nó mạnh mẽ và thực tế hơn tất cả mọi hành động. Câu chuyện về vua David, một vị vua lỗi lạc của Do Thái vào thế kỉ thứ IX trước Công Nguyên, minh chứng điều này. Vua David đã cướp vợ của một anh sĩ quan tận tụy phục vụ cho mình và đẩy anh sĩ quan này ra chiến trường để đưa anh vào chỗ chết. Nhà tiên tri Nathan biết chuyện này và tìm cách bày tỏ sự bất bình của ông. Ông mượn cơ trình bày với vua một vụ tai tiếng trong dân gian :

- Tôi được biết có một người sống nghèo khổ chỉ có một con cừu con và yêu thương nó hết mức. Anh này sinh sống bên cạnh nhà một anh phú hộ giàu có. Một hôm có người đến xin ăn ở nhà phú hộ, anh phú hộ không lấy thức ăn của mình mà lại sai người đến nhà anh nghèo cướp con cừu con và giết chết anh này...

- Thằng nhà giàu này khôn nạn thật, vua David tỏ vẻ phẫn nộ. Ngài tìm cho ra thằng khôn nạn này, triệu nó về đây và xử tử nó ngay !

Tiên tri Nathan nhìn và chỉ thẳng vào mặt Vua David và nói :

- Thằng khôn nạn đó chính là đức vua.

Vua David bừng tỉnh, thấy mình đã làm điều sai trái và lập đàn ăn chay hãm mình để chuộc lỗi lầm.

Nhưng không phải lúc nào chúng ta cũng gặp được một người khôn nạn tầm cỡ như vua David. Bấy nhiêu lời lẽ không đủ để cải hóa con người một cách mau chóng.

Sức mạnh của sự nhẫn nhục

"Các con hãy chia nốt má bên kia" để cho địch thủ đánh có nghĩa là : "Buộc địch thủ phải sai phạm hai lần điều ác mà địch thủ không ngờ tới". Tại sao lại như vậy ?

Bởi vì người giơ tay đánh bạn biết rõ trong thâm tâm của họ hành động này bắt công, có điều đương sự không dám để lộ tình cảm của mình đó thôi. Tinh thần công bằng tiềm ẩn nơi con người của đương sự chỉ trông chờ bạn phản công. Đương sự cần sự phản

công của bạn vì khi phản công, bạn chứng tỏ hành động của y là đúng và nhờ đó đương sự có cơ để tiếp tục.

Thay vì nhận lại một đòn trả đũa, đương sự đứng trước một tình huống bất ngờ khó xử là phải bồi thêm gấp bốn ba, gấp bốn, gấp năm lần sai phạm của mình.

Nguyên tắc chiến thuật của bắt bạo động là dẫn dụ và buộc đối thủ hành động sai phạm mỗi lúc một nhiều hơn. Và bản thân bạn, bạn nên kiên nhẫn chịu đựng, bền bỉ chịu đựng với tinh thần hy vọng.

Các bạn phải cố gắng giữ vững tinh thần, không sờn lòng, không chùn bước, để rồi địch thủ tích lũy sai phạm và bắt công, và một lúc nào đó trong góc cạnh đen tối của tâm hồn đương sự sẽ lóe lên ánh sáng của lương tâm và lương tri con người.

3. Bắt bạo động : sức bật cải hóa

Mục đích cuối cùng của bắt bạo động là cải hóa đối thủ. Nó là cứu cánh chứ không phải là phương tiện để đạt tới cứu cánh.

Việc cải hóa một kẻ thù thành người bạn, một kẻ dữ thành người công chính, một bạo chúa thành người điều hành công bằng và bao dung, đó chính là cứu cánh. Trong khi đó mục đích mà chúng ta muốn đạt tới (đền bồi danh dự và những thiệt hại, tự do, bảo trợ, hòa bình) chỉ là kết quả và là một trong những hệ quả của việc hòa giải thành công.

Nếu chúng ta chỉ tìm kiếm sự thỏa hiệp và tiếp nhận những ơn huệ của đối thủ như là một thủ thuật để đạt đến cứu cánh, đó chỉ là một xảo thuật tuy đáng khen nhưng đó không phải là bắt bạo động.

Gặt hái được những thắng lợi từ tay địch thủ không phải vì địch thủ chấp nhận lý lẽ của chúng ta mà chỉ vì địch thủ sợ tai tiếng hoặc là địch thủ bị bắt bí, đó không phải là bắt bạo động, đó chính là "tống dọa" (chantage).

"Tống dọa" bản chất nhất vẫn là khơi động sự thương hại, nhắc nhở những huấn thị tôn giáo, đánh động tình thần trách nhiệm hoặc tình cảm. Một tình nhân ghen tuông chia sủng vào người yêu thua kém xa về trí tuệ người tình đe dọa tự vẫn.

Làm sao chúng ta nhận biết được người có tinh thần bắt bạo động ? Người này trông vẻ dễ thương và hiền lành, và lúc nào cũng vâng dạ ? Người này kiên nhẫn và rất ư bình tĩnh ?

Không, những điều trên chưa đủ. Để trở thành người bắt bạo động, không bạo động chưa phải là một điều kiện đủ.

Người bắt bạo động là người biết nhìn vào lương tri. Thái độ bình tĩnh là phương pháp hữu hiệu nhất để đánh động lương tri của những kẻ giận dữ.

Mục đích cuối cùng của đấu tranh bắt bạo động không phải là tiêu diệt địch thủ, cũng không phải là đoạt chiến lợi phẩm mà chính là sự hòa giải. Những ai nói không cần hòa giải là những người chỉ muốn giải quyết tranh chấp bằng bạo lực. Chúng ta chưa hề thấy hỗn loạn và tẩm máu khi các nước cộng sản Đông Âu và Nga tan vỡ và sụp đổ. Đó chính là nhờ tinh thần hòa giải của các cấp lãnh đạo đối lập và của nhân dân các nước này. Bạo lực tốt cùng của chủ nghĩa Mác-Lê đã khiến cho con người nhận thức được sự vô lý và sự tàn ác của nó để không lặp lại sai phạm khủng khiếp này. Đa nguyên đa đảng không gây nên hỗn loạn, nó đem lại hòa giải và ổn định thực sự.

Nguyễn Gia Thường (Brussels)

Tham luận

Cù Huy Hà Vũ, Vi Đức Hồi và con đường dang dở của Phan Châu Trinh

Việt Hoàng

1. Từ Cù Huy Hà Vũ...

Cuối cùng thì bản án của chính quyền Việt Nam dành cho tiến sĩ luật Cù Huy Hà Vũ cũng đã được tuyên, với tội danh "tuyên truyền chống phá nhà nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa", ông Cù Huy Hà Vũ phải nhận một bản án rất nặng là 7 năm tù và 3 năm quản chế. Với những người còn tin và yêu chế độ thì đây là một gáo nước lạnh dành cho họ.

Đã có rất nhiều bài viết và lời kêu gọi ủng hộ cho ông Cù Huy Hà Vũ, đáng chú ý nhất là lời kêu gọi mọi người hãy đến tham dự phiên tòa này thật đông, để vừa bày tỏ tình cảm đối với ông Hà Vũ vừa để gửi đến chính quyền một thông điệp rằng, ông Hà Vũ là vô tội và người dân Việt Nam luôn ở bên ông.

Có thể khẳng định mà không sợ sai rằng, vụ án của ông Cù Huy Hà Vũ đã đạt được mức độ kỷ lục về sự chú ý của dư luận Việt Nam trong số các vụ án xử các nhà bất đồng chính kiến từ trước đến nay.

Lý do cũng rất giản dị. Ông Cù Huy Hà Vũ đã gây được tiếng vang rất lớn trong dư luận. Đầu tiên đó là thân thế của ông, ông là người thuộc "hoàng tộc cộng sản", bố ông là Cù Huy Cận, một nhà thơ lớn của cách mạng và là một trong những bộ trưởng đầu tiên của chế độ cộng sản (tức Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa), một khai quốc công thần. Ông Hà Vũ đồng thời cũng là con nuôi của nhà thơ Xuân Diệu, một nhà thơ mà tên tuổi của ông không ai là không biết đến. Bản thân ông Hà Vũ cũng có một học vấn và trình độ đáng nể : ông là tiến sĩ luật, chuyên ngành hành chính công, tốt nghiệp tại Pháp. Ông đồng thời cũng là thạc sĩ văn chương, là một họa sĩ... Nếu ông im lặng và là người theo chủ nghĩa "mackeno" thì con đường ông tiến thân chắc chắn sẽ trải bằng hoa hồng như bao nhiêu thái tử đỏ khác trong hoàng tộc.

Dư luận bắt đầu biết đến ông Hà Vũ qua việc ông đã có các hành động chưa từng có trong tiền lệ từ trước đến nay, như việc khởi kiện thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng hay việc ông tự ứng cử chức "bộ trưởng văn hóa" và mới nhất là việc công khai kêu gọi đa nguyên đa đảng cho Việt Nam, kêu gọi hòa giải dân tộc, tố cáo và chỉ đích tên những nhà lãnh đạo Việt Nam tham nhũng và bao che cho đàn em...

Tất nhiên ai cũng biết là những việc làm của ông (như ứng cử bộ trưởng văn hóa hay nộp đơn kiện thủ tướng) là những việc không có kết quả nhưng qua đó ông đã chứng minh cho mọi người dân Việt Nam thấy rõ một điều là chính quyền cộng sản không hề tuân thủ ngay chính những gì họ đã viết trịnh trọng trong Hiến pháp. Ông Hà Vũ làm sáng tỏ lời khẳng định của bà luật sư Ngô Bá Thành rằng "Việt Nam có cả một rừng luật nhưng chỉ dùng một thứ là luật rừng".

Vì là một tiến sĩ luật nên ông Hà Vũ đã đề cao vai trò nhà nước pháp trị, tức là trước pháp luật mọi công dân đều bình đẳng, quyết định của tòa án là quyết định cuối cùng và có giá trị nhất. Bất cứ ai



cũng phải ra tòa nếu phạm tội, dù đó có là đương kim thủ tướng.

Một điều nữa khiến mọi người càng chú ý đến vụ án này

đó là việc gia đình của ông Hà Vũ đã hết lòng bệnh vực ông, từ người trưởng tộc đến những người chú của ông hay như vợ, em gái ông... Tất cả đã dành cho ông những tình cảm tốt đẹp, tôn trọng những việc ông đã làm. Đây là một nét son và là sự cổ vũ mạnh mẽ cho những người dân thân vì dân chủ.



Vi tất cả những lý do trên mà chính quyền Việt Nam sẽ lúng túng trong việc xử ông. Nếu tha ông thì sợ bê mặt chính quyền và khuyến khích cho những tiếng nói bất đồng khác, nếu bắt ông bỏ tù thì sẽ gây ra nhiều hệ lụy và bất mãn cho nội bộ đảng. Người ta sẽ đặt câu hỏi rằng với một thân thể như vậy mà vẫn bị tổng vào tù thì ai có thể an toàn được dưới chế độ này ?

Người dân còn mơ hồ tin vào chế độ sẽ hỏi "Tại sao một người, với thân thể như ông Hà Vũ mà lại chống chính quyền ?"...

2. đến vụ án của Vi Đức Hồi...

Ông Vi Đức Hồi không có một lý lịch đặc biệt như ông Hà Vũ, bố mẹ ông không nổi tiếng như nhà thơ Cù Huy Cận và Xuân Diệu. Nhưng bản thân ông thì rất đáng chú ý, ông là người dân tộc thiểu số, ông đã từng là thường trực huyện ủy huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn, giám đốc trường đảng Hữu Lũng. Ông Vi Đức Hồi cũng có thể sống một cuộc sống đảng hoàng nếu ông im lặng và cam chịu như những người khác. Ông đến với phong trào dân chủ bằng cả một quá trình nhận thức, tuy âm thầm nhưng rõ ràng và đoạn tuyệt một cách dứt khoát.

Ông biết và hình dung được những cái giá mà ông phải trả, ông không có những hậu thuẫn tốt như ông Cù Huy Hà Vũ, và thực tế đã diễn ra như vậy. Ông bị mất chức thường trực huyện ủy Hữu Lũng, mất chức giám đốc trường đảng, bị giam giữ nhiều lần, bị quản chế liên tục và thẩm vấn thường xuyên. Vợ ông bị khai trừ khỏi đảng cộng sản và không cho dạy tiểu học nữa mà phải xuống trông coi trẻ em mẫu giáo. Tháng 10-2010 ông đã bị thẩm vấn trong suốt 10 ngày, sau đó bị bắt và ông đã bị xử án một cách đặc biệt thô bạo : 8 năm tù và 5 năm quản chế.

Ông Vi Đức Hồi viết rất nhiều về sự cần thiết của việc dân chủ hóa đất nước, các bài viết của ông mang nhiều suy tư, trăn trở và có giá trị lý luận cao. Có thể thấy rõ điều đó qua tác phẩm "Đôi mắt" đang được đăng tải trên báo nguyệt san *Tổ Quốc*. Cách đấu tranh của Vi Đức Hồi là đúng đắn và dứt khoát. Ông hiểu rằng đấu tranh cho dân chủ không thể là đấu tranh cá nhân mà phải là đấu tranh có tổ chức, ông đã tìm đến với những người dân chủ khác để hợp sức với họ. Ông cũng đã gặp và chịu nhiều gian truân gặp nhiều lần so với Cù Huy Hà Vũ. Trong vụ dân chúng Bắc Giang bạo loạn tấn công và đập phá trụ sở ủy ban tỉnh vì lý do một thanh niên không đội mũ bảo hiểm đã bị cảnh sát đánh chết, chính quyền đã nghi cho Vi Đức Hồi đứng đằng sau vì thời gian diễn ra vụ việc ông cũng có mặt ở Bắc Giang.

Bản án 8 năm tù và 5 năm quản chế mà chính quyền dành cho ông Vi Đức Hồi cũng đã nói lên nhiều điều, điều đầu tiên đó là chính quyền rất sợ Vi Đức Hồi, vì quá sợ nên phải "nhốt" ông thật lâu. Không ai hiểu rõ một kẻ nào đó bằng chính kẻ thù của người đó. Không ai hiểu rõ sức mạnh và giá trị của ông Vi Đức Hồi bằng chính đảng cộng sản. Bản án của ông là một minh chứng.

Thế nhưng, rất tiếc, trong trường hợp của ông Vi Đức Hồi thì những người đang đấu tranh cho dân chủ, những người cùng hội cùng thuyền với ông lại không nhận ra điều đó qua việc dư luận đã không dành cho ông những quan tâm cần thiết và đặc biệt như ông Cù Huy Hà Vũ. Ông Hà Vũ xứng đáng nhận được sự quan tâm đó của dư luận và ông Vi Đức Hồi cũng xứng đáng với sự quan tâm như vậy. Ông Hà Vũ đã gây được tiếng vang rất lớn nhưng (tiếc là) ông Hà Vũ không có ý định tham gia hay thành lập một tổ chức chính trị đối lập nào, ông Hà Vũ cũng không liên kết với ai, ông chỉ đấu tranh trên phương diện cá nhân, và một cá nhân thì dù có nổi tiếng đến đâu cũng không đủ sức mạnh để gây áp lực lên chính quyền để buộc chính quyền phải thay đổi, đó là lỗi đấu tranh kiểu nhân sĩ. Nó khác xa với kiểu đấu tranh tuy âm thầm nhưng có thể đi đến đích của ông Vi Đức Hồi, rõ ràng là dư luận đã không được hướng dẫn một cách đúng đắn.

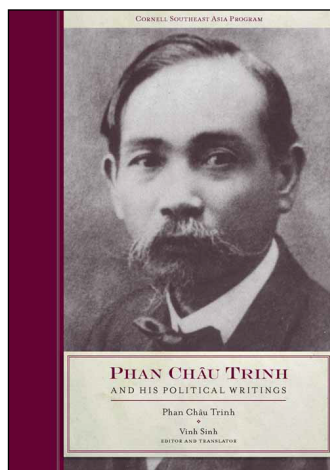
Sau nhiều tháng bị giam giữ, ông Cù Huy Hà Vũ đã ra trước vành móng ngựa, bản án 7 năm tù và 3 năm quản chế dành cho ông cũng khắc nghiệt không kém gì bản án dành cho ông Vi Đức Hồi. Rõ ràng là chính quyền Việt Nam ngày càng hoang hốt với mọi tiếng nói đòi dân chủ của người dân. Dù bất cứ là ai, dù đó là con cha cháu ông như Hà Vũ, là đồng đội như ông Vi Đức Hồi hay dân đen như Hùng-Hạnh-Chương... thì cũng đều bị chính quyền đàn áp thẳng tay. Một niềm tin cần được thay đổi qua sự kiện này là: "Khi đã đứng lên đấu tranh đòi dân chủ cho Việt Nam thì cho dù có tham gia vào một tổ chức chính trị đối lập hay không thì vẫn bị chính quyền đàn áp như nhau".

Lý do đứng một mình và lên tiếng cho dân chủ để không bị kết tội "chống phá nhà nước" đã hoàn toàn bị phá sản. Bản án dành cho ông Cù Huy Hà Vũ đã, đang và sẽ gây chia rẽ nghiêm trọng trong nội bộ đảng cộng sản, một số đông trong đảng, gồm nhiều người lương thiện rất muốn bênh vực cho ông Hà Vũ nhưng đều bất lực...

3. Và con đường dang dở của Phan Châu Trinh...

Trong phần một cuộc hội luận với Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên do báo điện tử *Dân Luận* tổ chức, ông Nguyễn Gia Kiểng một người tham gia cuộc hội luận đã có đề cập đến hai trường hợp của ông Cù Huy Hà Vũ và ông Vi Đức Hồi. Ông Nguyễn Gia Kiểng muốn nói lên một hiện tượng đó là việc dư luận chạy theo sự hào nhoáng và tiếng vang (như trường hợp của Cù Huy Hà Vũ) mà bất công với những người đấu tranh nghiêm chỉnh (như Vi Đức Hồi).

Không riêng gì trường hợp của ông Hà Vũ mà đối với trường hợp của Lê Công Định, Trần Huỳnh Duy Thức và Nguyễn Tiến Trung cũng thế, ông Nguyễn Gia Kiểng đã nhiều lần khẳng định rằng phải bênh vực họ. Mọi người nói lên lập trường dân chủ đều đáng được ủng hộ, dù họ là ai và hành động với những mục tiêu nào. Ngay cả một



ông tướng công an mà nói lên một lập trường đúng chúng ta vẫn phải tán thành (như trường hợp ông Nguyễn Văn An). Điều quan trọng là phải biết "ai là ai?" để đừng ủng hộ hay chống đối một cách lệch lạc.

Thí dụ việc đảng Nhân Dân Hành động là một đảng của công an là điều hoàn toàn đúng sự thực, việc anh Nguyễn Tiến Trung là đảng viên đảng này cũng hoàn toàn đúng và chính anh ấy cũng đã nói như vậy trong bài nhận tội truyền hình. Việc Lê Công Định và Trần Huỳnh Duy Thức hợp tác với đảng Nhân Dân Hành Động cũng đúng sự thực. Những sự thực này cần được cho mọi người biết rồi sau đó mỗi người tự quyết định thái độ cho mình.

Dù bao dung đến đâu chúng ta vẫn có bốn phạm phải thẳng thắn. Điều không nên làm là ủng hộ hoặc đá kích người khác vì sự hiểu lầm.

Rất tiếc là có một số người vẫn không hiểu điều này, tôi muốn lấy ví dụ về ý kiến của ông Nguyễn Ngọc Già, một người thuộc "phe dân chủ", một người tốt và yêu nước (có nhiều bài viết trên *Dân Luận*) nhưng không hiểu và chỉ trích ông Nguyễn Gia Kiểng với câu hỏi: "*Có phải Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên đi ngược lại chủ trương hòa giải-hòa hợp dân tộc của mình hay không khi phê bình Lê Công Định, Trần Huỳnh Duy Thức, Nguyễn Tiến Trung, hoặc khen Vi Đức Hồi hơn Cù Huy Hà Vũ?*".

Ông Nguyễn Ngọc Già chưa hiểu hiện tượng theo chiều sâu và ý mà ông Nguyễn Gia Kiểng muốn nói. Ông Nguyễn Gia Kiểng đã đưa ra trường hợp Vi Đức Hồi và Cù Huy Hà Vũ trong một đoạn trao đổi về thanh niên, là ông muốn tuổi trẻ Việt Nam dành sự hưởng ứng cho những đấu tranh đúng đắn để đóng góp một cách có hiệu quả cho cuộc vận động dân chủ và nhất là, để khỏi thất vọng sau đó. Điều này không có liên quan gì đến tinh thần hòa giải và hòa hợp dân tộc. Ông Nguyễn Gia Kiểng cũng đã nói rõ là Cù Huy Hà Vũ rất đáng được quý mến và bênh vực. Ông chỉ muốn nhấn mạnh với tuổi trẻ Việt Nam về phương thức đấu tranh nên có cho cuộc vận động dân chủ sắp tới.

Chúng ta không nên chỉ quan tâm đến Cù Huy Hà Vũ mà quên đi những người dân chủ khác đang gặp nạn. Nhiệm vụ của những người trí thức như chúng ta là nhận ra những người như Vi Đức Hồi và hướng dẫn dư luận bênh vực cho những người như ông.

Ông Nguyễn Ngọc Già cho rằng "*giá như những hoạt động của Vi Đức Hồi được quảng bá mạnh và công khai như Cù Huy Hà Vũ, tôi tin sẽ rất nhiều người dân ủng hộ, lên tiếng*". Ai sẽ là người quảng bá mạnh cho những người như ông Vi Đức Hồi, nếu không phải là chúng ta? Không phải là những người dân chủ thì ai sẽ làm việc đó?

Một độc giả của *Dân Luận* tham gia cuộc hội luận, bạn Lê Anh Tuấn đã giúp Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên phản biện các ý kiến của ông Nguyễn Ngọc Già, và cách đặt câu hỏi của bạn Tuấn rất đáng để tất cả chúng ta suy nghĩ:

"*Vì sao lượng cảm tình và bênh vực mà dư luận dành cho một người đối lập chỉ phụ thuộc vào lượng tiếng vang mà anh ấy tạo ra? Vì sao người ta không chú ý đến tính đúng và sai của đường lối đấu tranh, đến trình độ tư tưởng và bản lĩnh chính trị của người này, đến mức độ can đảm của cuộc dân thân, hay đến những đổi thay mà anh ta có thể mang lại? Vì sao người ta tập trung mọi sự chú ý vào một bề ngoài vang dội, thay vì vào thực lực và nội dung?*"

Ví dụ này, theo ông Kiểng, đã thể hiện rõ sự yếu kém trong nhận thức của những người dân chủ Việt. Chúng ta vẫn hài lòng với lối đấu tranh nhân sĩ. Chúng ta lầm tưởng rằng những thư ngỏ, tuyên ngôn, tuyên cáo kí tên cá nhân có thể thay đổi tình hình, và

vi thể dành cho chúng mọi sự ủng hộ và bênh vực. Trong khi đó, chúng ta quên lãng những cô găng xây dựng âm thầm nhưng bền bỉ, và có thể mang đến thành công. Vì không biết chọn lựa, chúng ta đang lãng phí sự ủng hộ của mình. Mà trong hiện trạng rời rã của tinh thần quốc gia, những ủng hộ này là một tài nguyên rất khan hiếm.

Nếu chưa đồng ý, bạn hãy tự hỏi mình :

- Những người chưa từng thừa nhận mình đấu tranh cho dân chủ có thể vận động quần chúng đứng dậy và tham gia một cuộc cách mạng dân chủ hay không ?

- Những người từ chối mọi đề nghị phối hợp kết hợp có thể đơn độc chọi lại một tổ chức cầm quyền, đang nắm trong tay nhà tù và súng hay không ?

- Có thể thay đổi đất nước bằng những thư ngỏ và kiến nghị xin-cho hay không ?

- Chúng ta, vì tình đồng bào và công lí, phải sẵn sàng bênh vực mọi người đấu tranh. Nhưng trước những câu hỏi trên, chúng ta nên dành nhiều ủng hộ và tiếp sức hơn cho ai ? Những cô găng xây dựng đường lối và lực lượng mà để khỏi bị đàn áp, chúng bắt buộc phải được tiến hành một cách âm thầm ? Hay những thư ngỏ, kiến nghị, tuyên cáo, tuyên ngôn hiện diện nhiều trên mặt báo ?".

Đến đây không thể không nhắc đến bài viết rất đặc sắc của nhà văn Nguyễn Ngọc viết về Phan Châu Trinh nhân dịp ngày giỗ thứ 85 của cụ : "Chương trình vĩ đại bị dở dang của Phan Châu Trinh". Đây là bài viết mà bất cứ người Việt nào có quan tâm đến vận mệnh đất nước cũng nên đọc và hiểu được những gì mà tác giả muốn nhắn nhủ trong đó.

Chương trình vĩ đại của Phan Châu Trinh là gì ? Theo nhà văn Nguyễn Ngọc, thì : "Chương trình của ông là chương trình thay đổi một dân tộc, sửa chữa và làm lại nó, tự trong chiều sâu nhất của nó, chiều văn hóa, để nó có thể tồn tại và phát triển trong một thế giới tất yếu toàn cầu hóa". Với những ai không đủ thời gian và kiên nhẫn thì chỉ cần đọc bài viết này cũng nhận ra một điều là nếu dân tộc Việt Nam chúng ta chọn tư tưởng và văn hóa của cụ Phan Châu Trinh thay vì tư tưởng Mác Lê và chủ nghĩa cộng sản thì số phận chúng ta bây giờ đã hoàn toàn khác. Chắc chắn là Việt Nam đã không thể thảm và tụt hậu như hiện nay. Tư tưởng của Phan Châu Trinh gói gọn trong mấy chữ "Khai Dân Trí, Chấn Dân Khí, Hậu Dân Sinh".

Từ hơn 100 năm về trước, cụ Phan đã nhận ra sự thua thiệt và yếu kém của người Việt chúng ta trước nền văn minh và tiên bộ của Phương Tây nói chung và thực dân Pháp nói riêng. Để chiến thắng thực dân Pháp và xây dựng một nước Việt Nam hùng cường thì theo cụ, chúng ta phải thay đổi đường lối đấu tranh, thay đổi tư duy, từ chối sử dụng bạo lực, từ chối việc xem bạo lực như là một công cụ để giải quyết các bất đồng. Cụ vận động người dân từ bỏ văn hóa Khổng giáo để tiếp thu văn hóa Phương Tây, học hỏi để nâng cao dân trí và chấn hưng tinh thần dân tộc, tinh thần quốc gia. Cụ cho rằng chính sức mạnh nội lực và tinh thần cởi mở, sẵn sàng học hỏi và tiếp thu cái mới sẽ làm cho Việt Nam trở nên độc lập và hùng mạnh.

Tư tưởng của cụ Phan Châu Trinh hoàn toàn đối lập với một nhà cách mạng khác, cụ Phan Bội Châu. Tư tưởng của cụ Phan Bội Châu mang nặng đặc tính dân tộc Việt Nam từ trước đến nay đó là chủ trương dùng bạo lực để đánh đuổi thực dân Pháp và nếu không đủ sức mạnh thì đi cầu cạnh những cường quốc khác (Nhật Bản), lấy mục đích biện minh cho hành động, quyết tâm đánh đuổi thực dân Pháp, chuyện kiến thiết đất nước sẽ tính sau.

Đảng cộng sản Việt Nam sau này đã hành động đúng y như cụ Phan Bội Châu đã làm trước đó nhưng may mắn hơn cụ là họ đã gặp thời, Pháp bị Nhật hất cẳng, sau đó Nhật bị quân đồng minh đánh bại,

khoảng trống quyền lực tại Việt Nam nhanh chóng bị Việt Minh cướp lấy từ tay chính quyền non trẻ vừa mới được hình thành trong vội vã, chính phủ của cụ Trần Trọng Kim.

Thậm chí ngay cả bây giờ vẫn còn có những tổ chức hay cá nhân kêu gọi và cổ vũ cho việc sử dụng bạo lực của đám đông để làm cách mạng. Quả thật chương trình vĩ đại để canh tân đất nước mà cụ Phan Châu Trinh khởi xướng gần 100 năm về trước vẫn còn dở dang và còn nhiều việc phải làm, vẫn rất cần những bài viết cụ thể mà sâu sắc như của nhà văn Nguyễn Ngọc hay nhà nghiên cứu Mai Thái Lĩnh...

Có lẽ chúng ta cần phải đồng ý với nhau một điều rất quan trọng rằng : cụ Phan Châu Trinh là nhà tư tưởng, nhà cách mạng và là nhà văn hóa lỗi lạc nhất của Việt Nam trong thế kỷ 20. Và chúng ta cũng phải đồng thuận với ông Nguyễn Gia Kiểng rằng "phải đoạn tuyệt với tinh thần Phan Bội Châu".

Nếu chúng ta đồng thuận với nhau như thế, thì may ra Việt Nam mới có một tương lai khác, một tương lai mà Việt Nam có thể sánh vai với các cường quốc năm châu. Một tương lai mà mỗi người Việt Nam sẽ không còn xấu hổ vì mình là người Việt Nam nữa.

4. Sẽ đến đích

"Phải chăng, có thể một trong những nguyên nhân của những vấp vấp mà chúng ta, xã hội chúng ta, đang gặp ngày nay và vẫn còn rất loay hoay chưa thật tìm được đường ra, chính là ở sự dở dang vừa nói trên đó. Cuộc khai hóa cơ bản, do nhà khai hóa vĩ đại Phan Châu Trinh chủ trương và tiến hành một trăm năm trước thì nay vẫn dở dang, vẫn còn nguyên đó. Rõ ràng tư tưởng của ông, chương trình của ông, trong cốt lõi của nó, hôm nay vẫn còn nguyên tính cập nhật, thậm chí còn nóng hổi hơn, cấp bách hơn. Tiếp tục chương trình lớn của ông là trách nhiệm lịch sử của chúng ta, mỗi chúng ta, hôm nay, và cả ngày mai". (Nhà văn Nguyễn Ngọc).

Đúng thế, con đường dang dở của cụ Phan Châu Trinh vẫn đang được tiếp tục bởi một nhà tư tưởng, một nhà cách mạng, một nhà văn hóa lớn khác của Việt Nam trong thế kỷ 21, ông Nguyễn Gia Kiểng, với tư tưởng "dân chủ đa nguyên, Bất bạo động, Hòa giải và hòa hợp dân tộc".

Dù còn nhiều chông gai, hay dở dang nhưng chúng ta vẫn tin vào hai ông, dù học cách xa nhau hàng thế kỷ, tin vào con đường mà chúng ta đang đi, tin rằng rồi sẽ đến đích.

Một sự kiện đánh dấu một bước tiến quan trọng trong quá trình hòa giải dân tộc và mang tính liên đới dân tộc qua vụ án xử Cù Huy Hà Vũ là việc hiệp thông cầu nguyện của các tôn giáo lớn trong cả nước như Công giáo, Phật giáo Việt Nam thống nhất, Phật giáo Hòa Hảo, Tin Lành... dành cho ông Hà Vũ. Nếu mọi tôn giáo và mọi thành phần dân tộc Việt Nam chủ động hòa giải với nhau, coi nhau như là anh em, quý trọng và bênh vực lẫn nhau... mà không cần đem xia đến nhà nước thì phong trào dân chủ hóa đất nước sẽ tiến triển rất nhanh.

Khi cả một dân tộc biết đoàn kết lại thì không một chính quyền nào làm gì được.

Việt Hoàng
(Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên)



Tham luận

Mô hình Trung Quốc, lý thuyết và hiện thực

Nguyễn Minh

Sự phát triển vượt bậc của Trung Quốc trong những năm vừa qua đã thu hút sự chú ý của các chuyên viên về phát triển và giới mô phạm quốc tế. Không biết bao nhiêu bài vở, sách báo, tài liệu, phim ảnh quốc tế đã phê bình và phân tích sự kiện này. Gần đây hơn, hai kinh tế gia thượng thặng, từng đoạt giải Nobel kinh tế năm 2001, A. Michael Spence và Joseph E. Stiglitz, đã không tiếc lời ca ngợi mô hình Trung Quốc và cảm thấy có khả năng khai mở cho các nước khác.

Mô hình Trung Quốc là gì ? Cho đến nay chưa có một định nghĩa rõ ràng, mỗi nhà bình luận đưa ra một nhận xét riêng, không ai chịu nhường ai trong chức vô địch bình luận về mô hình phát triển của Trung Quốc.

Có người nói đó là một mô hình hỗn hợp, trong đó chính quyền và thị trường kết hợp cùng với nhau để tạo ra một thể cân bằng nhằm giữ vững sự ổn định, nghĩa là biết dung hòa quyền sở hữu nhà nước với quyền sở hữu tư nhân, dung hòa nhu cầu và khả năng cung cấp giữa trong và ngoài nước. Người khác thì nói đó là mô hình phát triển theo chiều dọc, nghĩa là quyền lực nên tập trung vào tay chính quyền để tập trung năng lực vào những kế hoạch chiến lược lâu dài, chế độ độc đảng cầm quyền là một chọn lựa đúng đắn vì có thể mang lại lợi ích tối đa cho dân chúng, chuyên chính để duy trì ổn định xã hội. Người thì cho rằng đó là mô hình phát triển dựa vào nền văn hóa truyền thống Khổng Mạnh : chính trị chủ đạo, kinh tế chỉ huy, xã hội phục dịch. Một cách tóm lại, mô hình Trung Quốc chỉ đơn thuần là một mô hình chính trị tập quyền, sự thành công của Trung Quốc chỉ giản dị là đã có những nhà lãnh đạo có tầm nhìn xa.

Tại sao ca ngợi mô hình Trung Quốc trong lúc này ? Sự kiện này không phải tình cờ. Đây chỉ là phản ứng của những người thiên tả sau khi bức tường Bá Linh sụp đổ năm 1989, họ luôn luôn chống lại sự giàu có về kinh tế và sức mạnh về quân sự áp đảo của Hoa Kỳ và các quốc gia phát triển phương Tây. Nga và các quốc gia vệ tinh hiện nay đang bị kiệt quệ về tư tưởng lẫn thực lực nên không còn là khuôn mẫu cho những cấp lãnh đạo thiên tả nghe theo, chỉ còn lại Trung Quốc. Mặc dù hiện nay chỉ là một quốc gia cộng sản trên danh nghĩa, nhưng sự phát triển vượt bậc của Trung Quốc đang là cái phao để những nhà tư tưởng và những cấp lãnh đạo thiên tả bám vào để tồn tại, trong đó có Việt Nam.

Về phía Trung Quốc, ban lãnh đạo đảng cộng sản không có mô hình phát triển nào cả. Lúc ban đầu Đặng Tiểu Bình, cha đẻ của sự phát triển vượt bậc hiện nay, chỉ muốn được tồn tại ("trắng hay đen, mèo nào cũng được, miễn sao bắt được chuột"). Sự phát triển của Trung Quốc, lúc ban đầu (cuối thập niên 1970) chỉ là một mô hình hỗn hợp về quyền sở hữu giữa nhà nước và tư nhân. Nhờ sự cố gắng của tư nhân - thật ra là những tư bản đồ tìm mọi cách để sản xuất hàng hóa để thu về thật nhiều ngoại tệ, lúc đó là đô la Mỹ, để làm của riêng phòng khi nguy biến - tốc độ và khả năng sản xuất hàng hóa của lục địa Trung Quốc vượt hẳn Hongkong, Đài Loan và Nam Hàn về giá rẻ. Cái may của những người này là có một nguồn nhân lực dồi dào sẵn sàng làm việc với bất cứ giá nào để có cơm ăn áo mặc và cuộc sống khá hơn.

Với thời gian, xã hội Trung Quốc được phân chia lại theo mô hình "phong kiến kiểu mới", giữa một bên là 100 triệu đảng viên cộng sản (phong kiến) cai trị 1,3 tỷ công nhân (nô lệ). Nô lệ ở đây phải hiểu là

những người làm việc trong những điều kiện khắc nghiệt (12 giờ một ngày, 6/7 hay 7/7 ngày trong tuần, thiếu bảo hiểm xã hội, tiền lương chỉ đủ để trả tiền nhà và tiền ăn, phải làm thêm nhiều giờ hơn nữa mới có dư tiền để gửi về cho gia đình). Khi hết việc, những công nhân nô lệ này bị sa thải một cách dễ dàng, chính quyền và giai cấp chủ nhân không hề quan tâm đến số phận hay gia đình của họ.

Với mô hình này, Trung Quốc trở thành xưởng sản xuất hàng hóa của toàn thế giới, đảng cộng sản Trung Quốc, qua trung gian giai cấp tư bản đồ, trở thành cai thầu cho những quốc gia giàu có. Nô lệ Trung Quốc làm việc ngày đêm để giữ gìn sự sung túc của những quốc gia giàu có. Thực tế này đã không được những nhà tư tưởng thiên tả nhắc nhở tới khi đề cao mô hình Trung Quốc.

Để che giấu thực tại không mấy vinh quang này, ban lãnh đạo đảng cộng sản thường phô trương bắt thịt để hù dọa thế giới : dùng sức mạnh quân sự để uy hiếp những quốc gia lân bang nhỏ bé ; dùng sức mạnh hàng hóa để áp đảo những quốc gia giàu có. Trên một khía cạnh nào đó, những biện pháp hòa hoãn này đã không ngờ mang lại một số thắng lợi nhất định : không quốc gia nào dám coi thường Trung Quốc, kể cả Mỹ, Nhật và Liên Hiệp Châu Âu.

Cái khó hiểu là mặc dù mọi người đều biết sự phát triển vượt bậc của Trung Quốc hiện nay là không bình thường, nhưng không ai dám nói ngược với những gì ban lãnh đạo đảng cộng sản Trung Quốc đang làm : tiếp tục dìm giá đồng CNY, gia tăng xuất khẩu, hạn chế sự phát triển thị trường nội địa. Chẳng lẽ có một qui ước bất thành văn giữa những chính trị gia và giới báo chí phương Tây về sự phát triển của Trung Quốc ? Tình trạng này giống như sự cố võ một lực sĩ nhà nghèo đã cố gắng ngày đêm tập dợt, bất kể đói và lạnh, để cùng những lực sĩ nhà giàu chạy việt dã đường xa, đến một lúc nào đó người lực sĩ nhà nghèo này sẽ ngã quỵ và sẽ không được gượng dậy được vì kiệt sức.

Thầy gì trong mô thức phát triển của Trung Quốc hiện nay ? Đó là một liên minh quyền tiền, như mọi liên minh quyền tiền trên thế giới trừ trước đến nay. Như đã nói ở đoạn trên, mô hình mà Trung Quốc đang theo đuổi là mô hình phong kiến kiểu mới, trong đó 100 triệu đảng viên cộng sản phong kiến có toàn quyền trên 1,3 tỷ công dân nô lệ. Theo mô hình này, quyền lực tập trung vào trung ương, thật ra là vào tay một thiểu số cầm quyền. Những ai ở xa trung tâm quyền lực, dù có tài giỏi đến đâu cũng chỉ là những cấp thừa hành, quyền quyết định vẫn tập trung vào tay thiểu số, tức giai cấp đảng viên đảng cộng sản.

Nhìn từ bên ngoài, người ta thấy xã hội Trung Quốc có vẻ như cởi mở, có tự do nhưng trong thực tế đó là một xã hội đầy ức nén : mọi người phải tự kềm chế mình để được tồn tại. Sinh hoạt kinh tế cũng thế, mọi người phải tự kềm chế để giai cấp cầm quyền không chú ý tới, nghĩa là phải giả bộ đóng vai thấp hèn để được yên thân.

Liên minh quyền tiền (đảng cộng sản và tư bản đồ) này đang không hề toàn bộ xã hội, từ thôn quê ra đến thành thị, ai nghịch lại đều bị trừng trị. Trên một khía cạnh nào đó, liên minh quyền tiền này giống như căn bệnh ung thư ác tính giết dần giết mòn thể xác của người bệnh. Bất công xã hội, hồ cách biệt giàu nghèo và nạn thất nghiệp trên qui mô lớn là những yếu tố độc hại đang làm sụp đổ mô hình Trung Quốc, và không sớm thì muộn sẽ dẫn đến bạo loạn.

Nguyễn Minh (Tokyo)

Một quan điểm độc hại của học giả Mỹ về Đông Thái Bình Dương

Tong lúc Hoa Kỳ đang thay đổi các ưu tiên ngoại giao và quốc phòng để đối phó với nhiều thử thách dồn dập tại Trung Đông, Trung Á, Đông và Nam Á thì xuất hiện một lập trường kêu gọi Mỹ triệt thoái một phần khỏi khu vực Đông Thái Bình Dương - và dù không nói ra nhưng mục tiêu nhằm chuyển sự chú ý của Hoa Kỳ vào một khu vực nào khác mà chúng ta có thể đoán sau.

Tạp chí có ảnh hưởng hàng đầu trong ngành ngoại giao là tờ *Foreign Affairs*, số tháng 3/4 năm 2011, đăng trên trang bìa bài viết mang tựa đề "China's Rise lead to War?" (Liệu sự trỗi dậy của Trung Quốc có dẫn đến Chiến Tranh ?) của giáo sư ngành chính trị học Charles Glaser thuộc trường đại học George Washington. Nội dung chính gồm các điểm :

1. Mỹ-Trung có nhiều khả năng chạm trán nhất là tại Nhật, Nam Hàn và Đài Loan.

2. Hoa Kỳ cần duy trì hiện diện quân sự tại Nhật và Nam Hàn. Trung Quốc sẽ không phản đối vì nhờ có Mỹ nên Nhật và Nam Hàn không ồ ạt tăng cường quốc phòng.

3. Trái lại Hoa Kỳ nên rút khỏi Đài Loan vì Hoa Lục ngày càng mạnh. Cổ堡 vệ quốc đảo này có thể dẫn đến chiến tranh hạch nhân Mỹ-Trung.

4. Bắc Kinh không có dấu hiệu về tham vọng lãnh thổ nên sẽ không lợi dụng hoàn cảnh mới để bành trướng sang các khu vực khác.

5. Dù Hoa Lục có yêu sách về đường lưỡi bò với các nước Đông Nam Á nhưng Mỹ có thể ngăn chặn bằng các hợp tác và liên minh quân sự trong khu vực.

6. Hoa Kỳ không cần giữ ưu thế quân sự ở Thái Bình Dương vì nguy cơ Trung Quốc tấn công qua đại dương không hề có.

Các điểm 3, 4, 5 và 6 trong bài viết mù mờ và mâu thuẫn. Tính chuyện rút khỏi Đài Loan ngay trong lúc đối phương còn chưa đủ mạnh là kẻ sách bị hù dọa đã chạy. Nhật, Nam Hàn và các nước Đông Nam Á không khỏi nghi ngờ về quyết tâm của Mỹ và có thể phải chọn lựa ngã theo Bắc Kinh. Nhắc đến đường lưỡi bò rồi lại cho rằng Hoa Lục không có tham vọng lãnh thổ là bất nhất. Cuối cùng, một mặt cho rằng Mỹ không cần giữ ưu thế quân sự, mặt khác lại viết Mỹ chỉ cần vài hợp tác và liên minh quân sự cũng đủ ngăn chặn Hoa Lục ở biển Đông hoàn toàn thiếu căn cứ. Điều đáng nói là tác giả dùng cách trình bày hoa mỹ của một giáo sư đại học nhằm đánh lừa mà che giấu những lý luận ấu trĩ.

Chúng ta có thể đặt nghi vấn rằng mục tiêu chính của bài viết không phải về các tranh chấp Mỹ-Hoa, mà chỉ để kêu gọi Hoa Kỳ giảm hiện diện tại Thái Bình Dương đồng thời chuyển khả năng nhân vật lực sang một khu vực nào khác (1).

Chúng ta cần hiểu rằng một bài được chọn đăng trên tạp san *Foreign Affairs* dù không thể hiện quan điểm nhà nước, nhưng vẫn đại diện cho một thế lực nào đó muốn thay đổi chính sách của Hoa Kỳ. Ngành ngoại giao của Mỹ là kết quả của những vận động hay tranh chấp giữa nhiều khuynh hướng đối chọi - chẳng hạn như Hoa Kỳ nên chọn lựa ưu tiên và bỏ tiền của hỗ trợ cho Do Thái hay A-Phụ-Hàn hay Đài Loan hoặc Đông Nam Á, nhất là trong hoàn cảnh các phương tiện của Mỹ đang eo hẹp và không thể gánh nặng mọi đầu.

Riêng để vận động hành lang (lobby), người Mỹ gốc Do Thái đi theo tiến trình nhiều bước (1) :

• Trước hết tại các viện nghiên cứu (think tank) hay các trường đại học danh tiếng đưa những quan điểm chiến lược toàn cầu - kết quả thường được trình bày trong các buổi hội thảo lớn, những bài phân tích trên các tạp san chuyên môn như *Foreign Affairs*, cùng các sách có giá trị biên khảo.



MỤC LỤC

1. Một khúc quanh lớn của thế giới

Thông Luận

2. Làn sóng dân chủ thứ tư và những chế độ độc tài không ảo tưởng
Nguyễn Gia Kiểng

5. Vi Đức Hồi, một tâm lòng với tổ quốc Việt Nam

Nguyễn Văn Hiệp

6. Thực chất của cuộc nổi dậy tại Libya

Nguyễn Văn Huy

8. Xin can quý vị !

Nghiêm Văn Thạch

9. Bất bạo động, sức mạnh của công lý

Nguyễn Gia Thường

12. Cù Huy Hà Vũ, Vi Đức Hồi và con đường dang dở...

Viết Hoàng

15. Mô hình Trung Quốc, lý thuyết và hiện thực

Nguyễn Minh

16. Một quan điểm độc hại của học giả Mỹ về Đông Thái Bình Dương
Đoàn Hưng Quốc

• Kể đến là các vận động trong chính quyền và Quốc Hội để các "quan điểm" thân Do Thái chính thức trở thành "chính sách" của Hoa Kỳ.

• Đồng thời dùng các phương tiện truyền thông đại chúng như đài truyền hình CNN, CBS, ... và những tờ báo lớn *Washington Post*, *New York Times*, ... để ảnh hưởng quần chúng cùng các viên chức hành pháp và lập pháp.

• Cuối cùng, gây quỹ hỗ trợ cho các ứng cử viên tổng thống và quốc hội. Đề nghị những nhân vật thân thiện với Do Thái nắm giữ các chức vụ quan trọng như bộ trưởng, cố vấn an ninh. Áp lực hay ngay cả đe dọa các khuynh hướng đối nghịch.

Nếu so sánh giữa người Mỹ gốc Do Thái và gốc Việt cùng khoảng con số 2-3 triệu người, nhưng bù lại chúng ta hoàn toàn không có tiếng nói ở cấp Liên Bang, trong các viện nghiên cứu chiến lược, các trường đại học danh tiếng, các cơ quan truyền thông quốc tế và cũng không tạo được một hệ thống chọn lọc và hỗ trợ các ứng cử viên thân hữu.

Nếu xét về thứ hạng có lẽ tầm ảnh hưởng chính trị của người Mỹ gốc Việt kém hơn các sắc dân gốc Do Thái, Cuba, Mễ Tây Cơ, Ai Nhĩ Lan, Ý, Ấn độ, Trung Hoa, Nhật, Đài Loan nhưng ngang hàng với người gốc Armenia và Kurdistan.

Báo chí và các trang mạng tại Hoa Lục đang ồ ạt phổ biến và tán thưởng bài viết nói trên của giáo sư Charles Glaser. Trái lại nhật báo *Taipei Times* của Đài Loan đã đăng một bài phản bác vào ngày 7 tháng 4 (2). Người viết hy vọng sẽ có những học giả gốc Việt đưa lên báo chí quốc tế nhiều lập luận sắc bén bằng tiếng Anh - Pháp để bác bỏ luận điểm độc hại này ngay từ trong trứng nước.

Đoàn Hưng Quốc

(1) *The Israel Lobby and U.S. Foreign Policy*, tác giả John J. Mearsheimer and Stephen M. Walt (Sep 2, 2008).

(2) *The US cannot appease the Chinese*, tác giả Li Tian-hok (Lu Thiên Phúc - Taipei Times (April 7, 2011).